

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**KHOA NGÂN HÀNG**

*279 Nguyễn Tri Phương, phường 05, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.*

*Telephone: +84.8.8551776, +84.8.8530561 – Fascimile: +84.8.8551777*


*Email: [bankingfaculty@ueh.edu.vn](mailto:bankingfaculty@ueh.edu.vn) - Website: <http://www.fob.ueh.edu.vn/>*

Bài giảng môn học

**THANH TOÁN QUỐC TẾ**

Người trình bày: Th.S Vũ Thị Lệ Giang

[vtlegiang@yahoo.com](mailto:vtlegiang@yahoo.com)

- 
- **Phần 1 : Hối đoái**  
Thị trường hối đoái  
Tỷ giá hối đoái  
Các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ (**Spot, Arbitrage, Forward, Swap, Options, Futures**)
  - **Phần 2 : Phương tiện thanh toán quốc tế.**  
Hối phiếu (Bill of exchange), Cheque, Thẻ thanh toán (Payment Card)
  - **Phần 3 : Các phương thức thanh toán quốc tế.**  
**T/T, D/P, D/A, CAD, D/C, L/C**



# **Tài liệu tham khảo:**

**Sách Thanh toán quốc tế- năm  
2003/2007,**

**Chủ biên: PGS.TS -Trần Hoàng  
Ngân**

**TS Nguyễn Minh Kiều**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

# KHOA NGÂN HÀNG

Chào mừng bạn đến với website khoa Ngân hàng

[Tiếng Việt-English](#)

[Tin tức](#)

- Trang chủ
- Giới thiệu
- Ban giảng huấn
- Đề cương
- Nghiên cứu KH
- CLB CK-SCUE
- Đoán-Hội
- Liên lạc



**ACB tăng vốn lên 1.100 tỷ đồng**  
Ngân hàng Á Châu (ACB) vừa chính thức tăng vốn điều lệ từ 948.32 tỷ đồng

**Tháng 3 - 2006**

CNT	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT  
CHUYÊN NGÀNH**

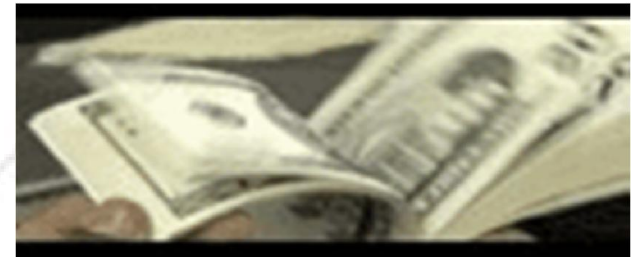
**WEBSITE THAM KHẢO  
CHUYÊN NGÀNH**

**THÔNG TIN  
BÀI GIẢNG**

- Thư ngỏ gửi cựu sinh viên Khoa Ngân hàng (Ngành Tài chính Tín Dụng, Kinh doanh tiền tệ)
- Thư ngỏ gửi Quý Ngân hàng, quý doanh nghiệp
- Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2005 - Đợt 1 - Khóa 27 - Đại học chính quy - Chuyên ngành Ngân hàng
- Lễ bảo vệ tốt nghiệp K27
- Đáp án thi tốt nghiệp K27

**Số lượt truy cập:  
0018257**

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về: [dunqnt@ueh.edu.vn](mailto:dunqnt@ueh.edu.vn)  
Copyright © 2005 of Banking faculty. All Rights Reserved.



Chương một

# HỎI ĐOÀI





# eXchangeRate.com

THE CURRENCY AUTHORITY™

Tuesday, October 14, 2008

## XR QuickCalculator™

U.S.A.-USD

-- Select --

CONVERT

FXCM

- Currency Forecasts
- Real Time Quotes
- How to get started?
- Online Forex Trading
- Bookmark XR

Country	Currency	ISO	10/14/08	10/13/08	Change
AUSTRALIA	Dollar	AUD	1.418092	1.435065	-1.1827% ↓
AUSTRIA	Schilling	ATS	10.07477	10.15692	-0.8088% ↓
BELGIUM	Franc	BEF	29.53534	29.77617	-0.8088% ↓
CANADA	Dollar	CAD	1.160074	1.150071	+0.8698% ↑
DENMARK	Krone	DKK	5.462207	5.506745	-0.8088% ↓
EUROPEAN UNION	Euro	EUR	0.732162	0.738132	-0.8088% ↓
FINLAND	Markka	FIM	4.353238	4.388734	-0.8088% ↓

## Last 30 Days



Max: 0.7425, Min: 0.6786

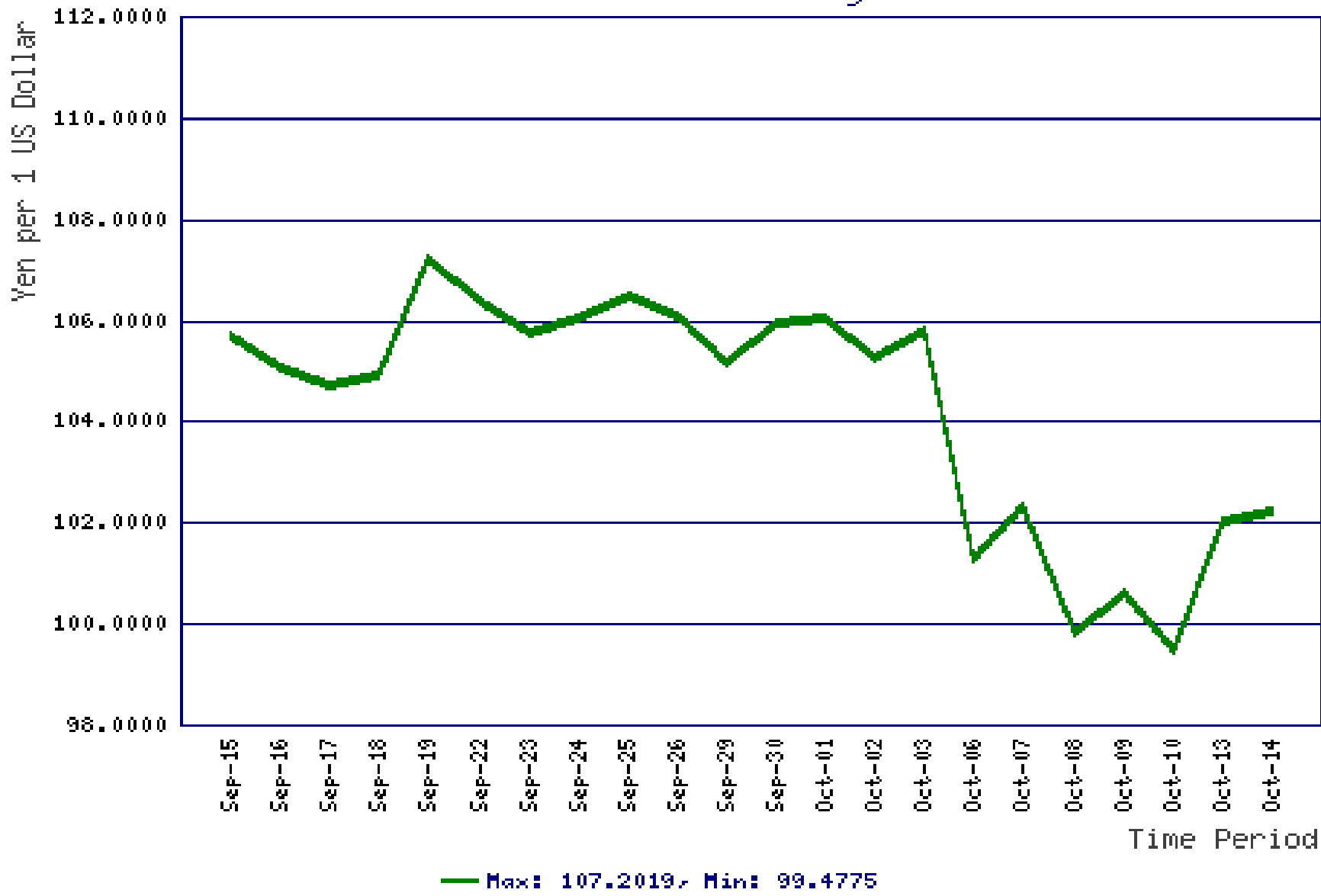


### Last 3 Months

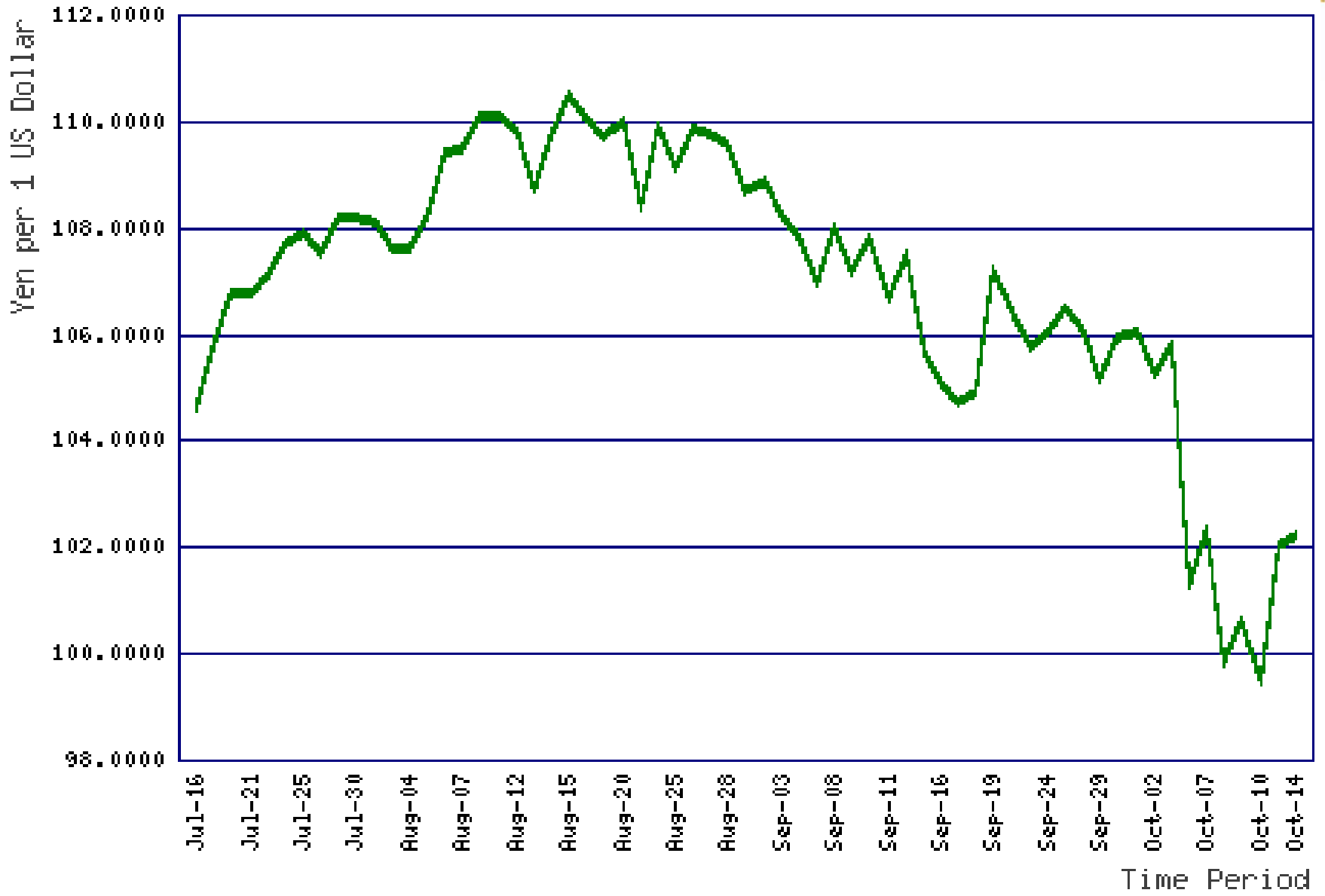


Time Period

### Last 30 Days

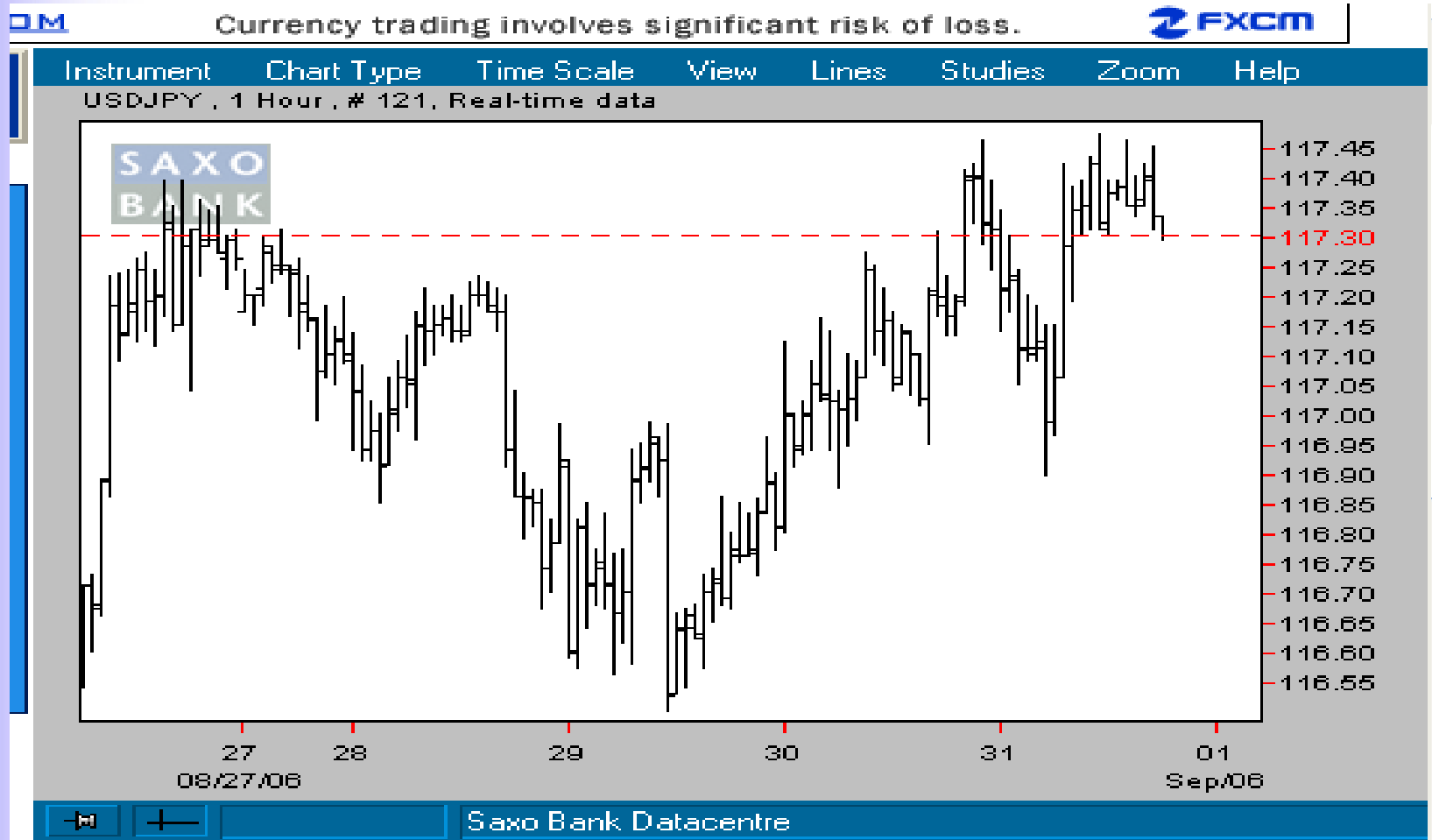


# Last 3 Months



Max: 110.4866, Min: 99.4775

# Tỷ giá USD/JPY tháng 08/2006



# EUR/USD tháng 08- 2006

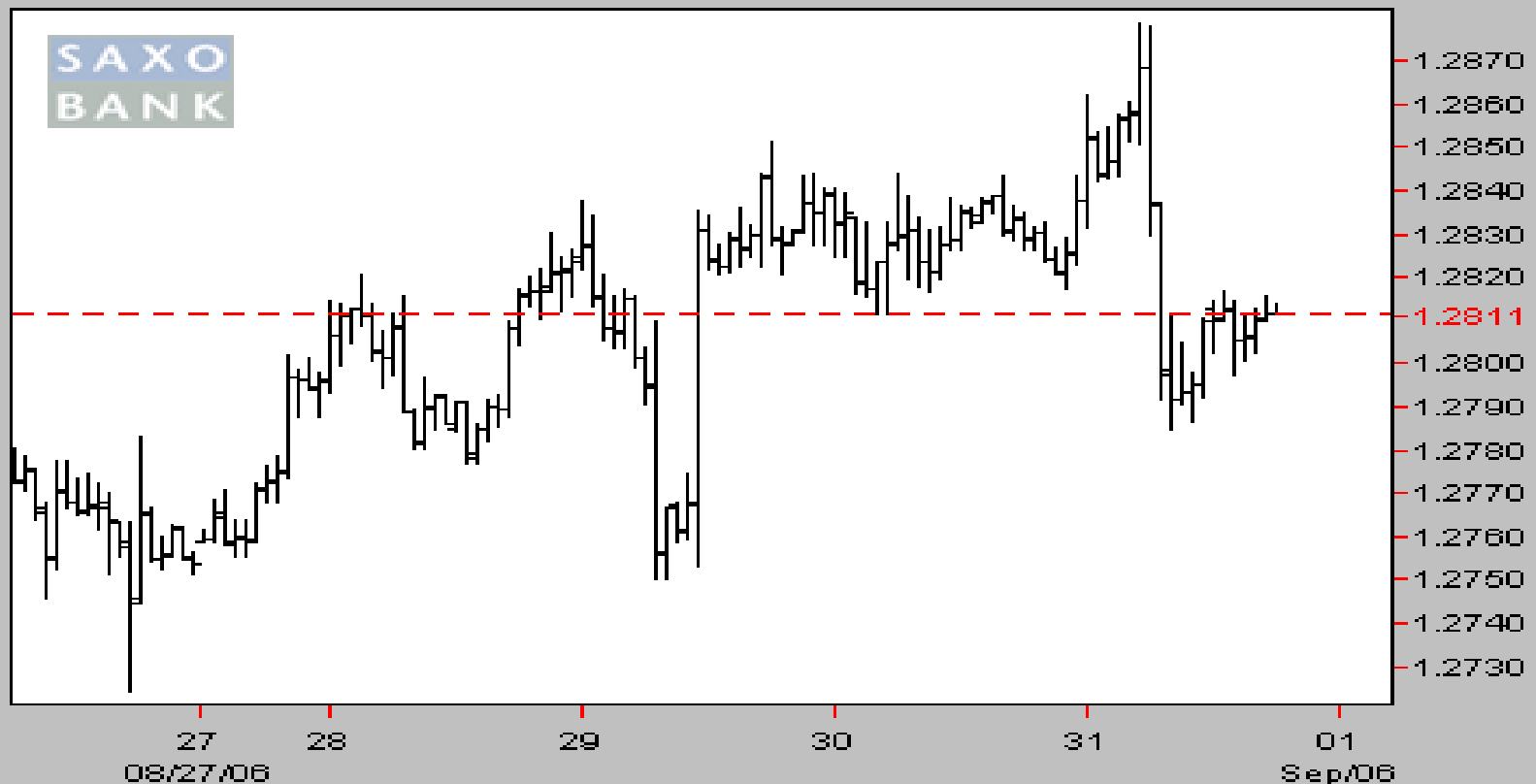
DM

Currency trading involves significant risk of loss.

FXCM

Instrument Chart Type Time Scale View Lines Studies Zoom Help

EURUSD , 1 Hour , # 121 , Real-time data



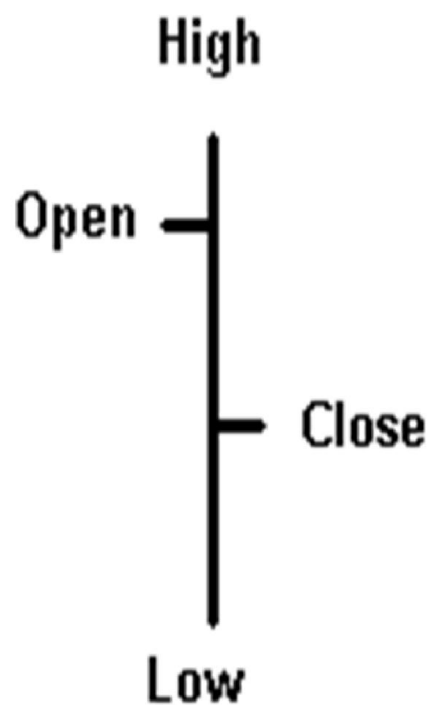
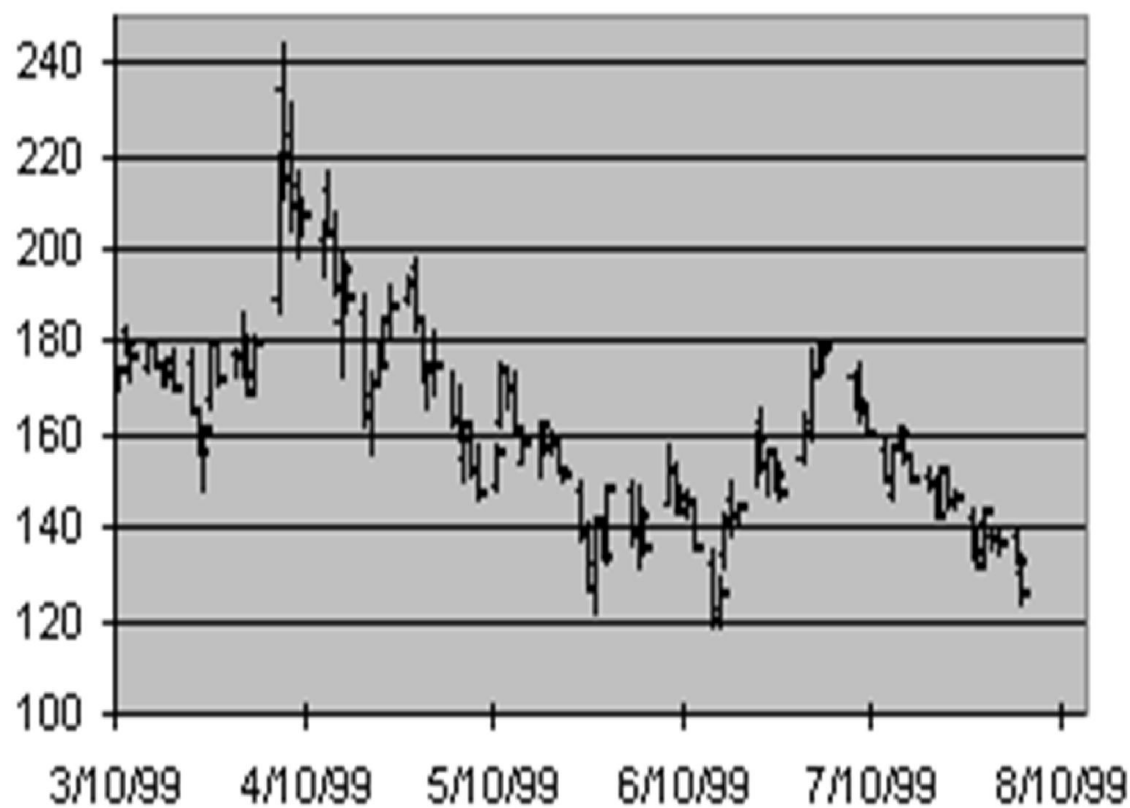
+

+

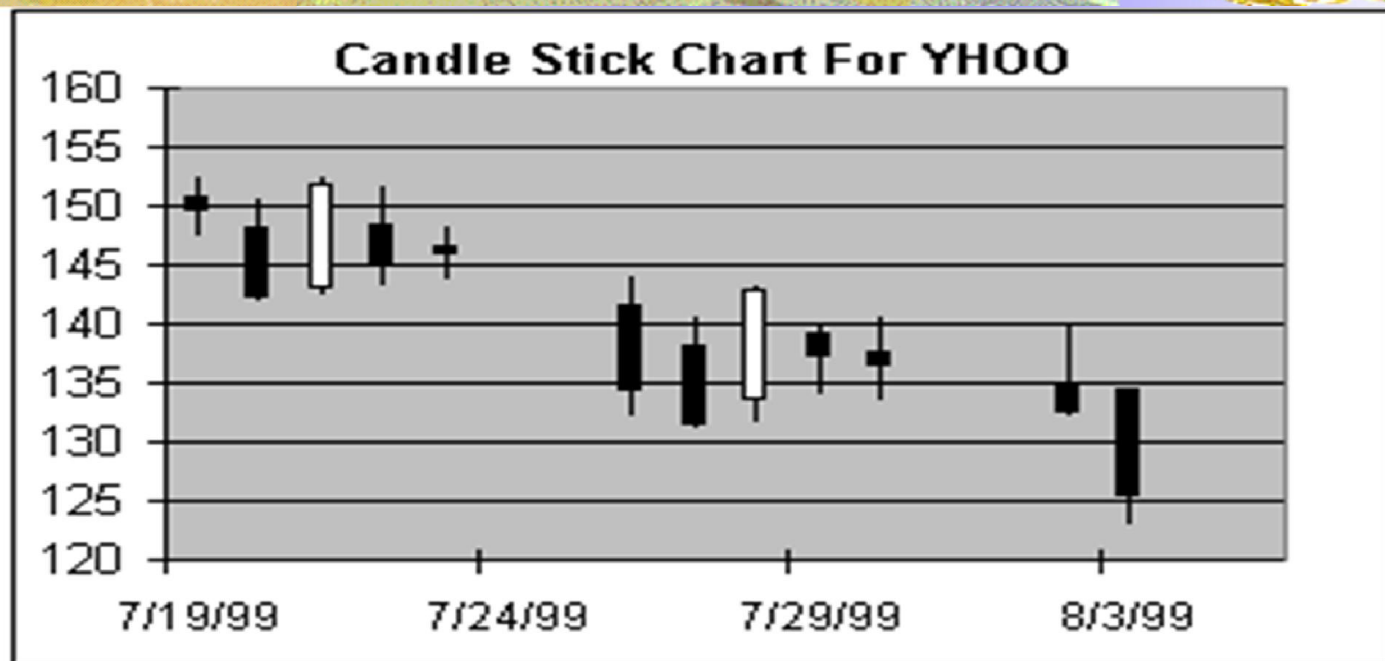
Saxo Bank Datacentre



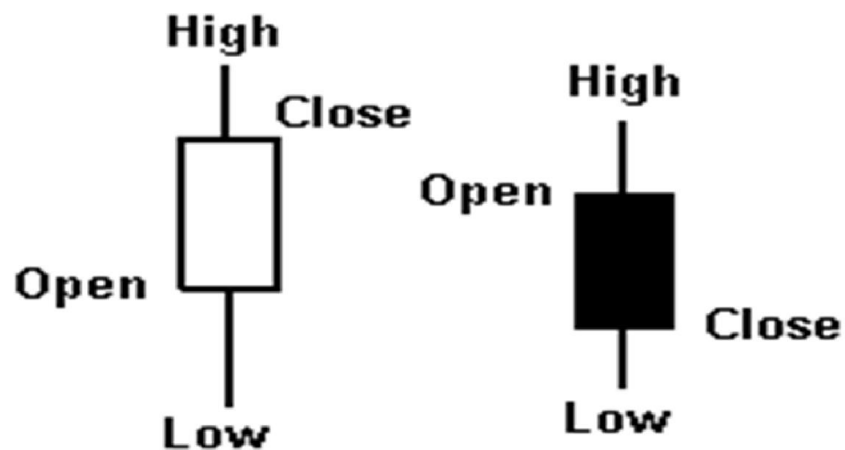
### Bar Chart of YHOO



Copyright © Tradetrek.com



Copyright © Tradetrek.com



# I. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ( Foreign Exchange Rate -FX)

## 1. **Khái niệm:**

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này được thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác.

Ví dụ: Ngày 15/10/2008, trên thị trường hối đoái quốc tế ta có thông tin:

1 **USD** = 101.39 **JPY** ( **Japanese Yen**)

1 **GBP** = 1.7425 **USD** ( **United States dollars**)

1 **USD** = 1.1374 **CHF** ( **Confederation Helvetique Franc**),

1 **AUD** = 0.6949 **USD**

1 **USD** = 16 610 **VND**

**GBP** ( **Great Britain Pound**)





## 2. Phương pháp biểu thị tỷ giá (Yết giá - **quotation**):

1 đồng tiền yết giá = x đồng tiền định giá

(Base currency-yết giá)-(quote currency-  
đồng tiền định giá)

- Phương pháp biểu thị thứ nhất (**Direct quotation- Price quotation-trực tiếp**)

1 ngoại tệ = x nội tệ

Phương pháp yết giá này được áp dụng ở  
nhiều quốc gia: Nhật, Thái Lan, Hàn Quốc,  
Việt Nam...

- **Phương pháp biểu thị thứ hai (Indirect quotation-Volume quotation-gián tiếp)**

$$1 \text{ nội tệ} = y \text{ ngoại tệ}$$

Phương pháp yết giá này áp dụng ở một số nước: Anh, Mỹ, Úc, EU...

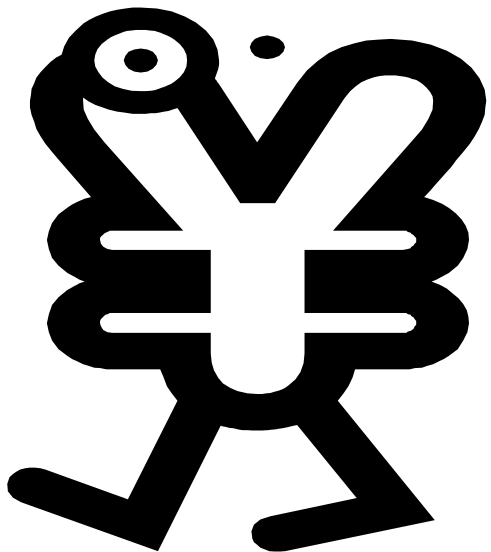
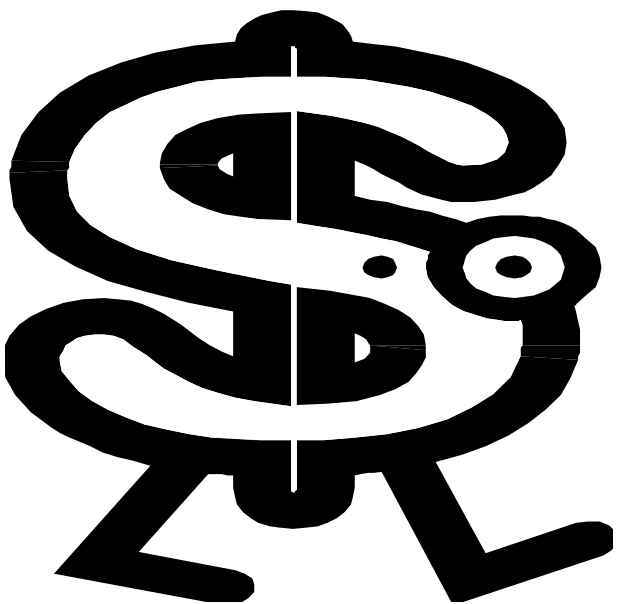
Lưu ý

Khi giao dịch hối đoái qua mạng điện tử, [www.forexdirectory.net](http://www.forexdirectory.net)

## Real Time, Tick By Tick U.S. Dollar Rates

Provided by Saxo Bank

Symbol	bid	ask	low	High	NetChange	% Change
EURUSD	1.29665	1.29685	1.29567	1.30037	-0.0033	-0.25
USDJPY	119.407	119.437	119.26	119.48	0.04	0.03
GBPUSD	1.9359	1.9363	1.93492	1.93988	-0.0036	-0.19
USDCHF	1.24394	1.24424	1.24114	1.24476	0.0029	0.23
USDCAD	1.1769	1.1774	1.17641	1.17725	0.0001	0.01
AUDUSD	0.77941	0.7798	0.7791	0.78116	-0.0011	-0.14
NZDUSD	0.69046	0.69096	0.68999	0.69255	-0.0013	-0.19
USDSAR	3.7505	3.7510	3.7507	3.7505	0.0000	0.00
USDKWD	0.28904	0.28919	0.28918	0.28910	0.00001	0.00
USDQAR	3.6402	3.6417	3.6416	3.6402	0.0001	0.00
USDOMR	0.38497	0.38512	0.38511	0.38497	-0.00001	0.00
USDZAR	7.2976	7.3134	7.2949	7.2999	-0.0010	-0.01
USDPLN	2.9927	3.0003	2.9917	2.9947	0.0078	0.26
USDRUB	26.4617	26.4692	26.4495	26.4689	26.4655	100.00
USDSEK	7.0359	7.0404	7.0179	7.0383	0.0191	0.27
USDDKK	5.7466	5.7492	5.7334	5.7523	0.0144	0.25
USDNOK	6.3701	6.3749	6.3567	6.3761	0.0125	0.20
USDSGD	1.5385	1.5391	1.5363	1.5388	0.0022	0.14
USDKRW	940.8	941.1	941.1	941.1	2.4	0.26



### 3. Một số quy ước trong giao dịch hối đoái quốc tế:

■ Ký hiệu tiền tệ: XXX

Đồng Việt Nam (**VND**), Đô la Mỹ (**USD**), Bảng Anh (**GBP**), Yên Nhật (**JPY**), Bạt Thái Lan (**THB**)...

Tham khảo Web site:

[www.exchangerate.com](http://www.exchangerate.com),

[www.forexdirectory.net](http://www.forexdirectory.net),

[www.forex.com](http://www.forex.com),

[www.forexpoint.com](http://www.forexpoint.com),

[www.netdania.com](http://www.netdania.com)

[www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)

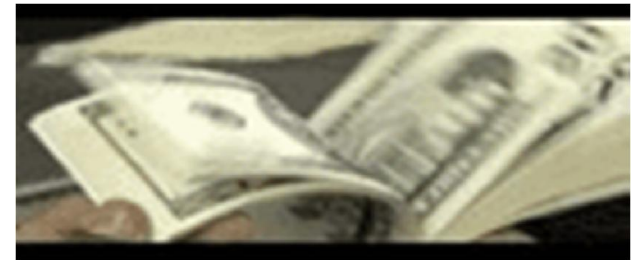
xem phụ lục 1 trang 21.

[www.yahoo.com/finance](http://www.yahoo.com/finance),

[www.saxobank.com](http://www.saxobank.com),

[www.forexnews.com](http://www.forexnews.com),

[www.info-forex.com](http://www.info-forex.com),





■ Cách viết tỷ giá :


$$1 A = x B \text{ hoặc } A/B = x$$

Tỷ giá  $1\text{USD} = 118\text{JPY}$  ta có thể viết  
**USD/JPY = 118** hoặc là **118 JPY/USD**.

$$A/B = 1/B/A$$

$$1\text{EUR} = 1.2790\text{USD}$$

$$\text{USD/EUR} = 1/\text{EUR/USD} = 0.7819$$



■ **Phương pháp đọc tỷ giá** (Ngôn ngữ trong giao dịch hối đoái quốc tế)

Vì lý do nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm, tỷ giá thường được đọc những con số có ý nghĩa.

Các con số đằng sau dấu phẩy được đọc theo nhóm hai số. Hai số thập phân đầu tiên được gọi là “số” (**figure**), hai số kế tiếp gọi là “điểm” (**point**).

Tỷ giá mua và tỷ giá bán có khoảng chênh lệch (**Spread**), thông thường vào khoảng 5 đến 20 điểm.



Tỷ giá

**BID**

**ASK**

**USD/CHF** = 1.2350 --- 1.2360

**MUA USD**

**BÁN USD**

**BÁN CHF**

**MUA CHF**

Lưu ý:

- Số nhỏ là giá mua đồng tiền yết giá (USD) và là giá bán đồng tiền định giá (CHF).
- Số lớn là giá bán đồng tiền yết giá (USD) và là giá mua đồng tiền định giá (CHF).

## 4. Cơ sở xác định tỷ giá hối đoái :

### a. Trong chế độ bản vị vàng :

+ Từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20:

1 **GBP** có hàm lượng vàng là **7,32g** vàng (1821)

1 **USD** có hàm lượng vàng là **1,50463g** vàng (1879)

1 **FRF** có hàm lượng vàng là **0,32258g** vàng (1803)

Dựa vào nguyên lý đồng giá vàng, ngang giá vàng thì tỷ giá giữa GBP và USD được xác định là :

$$1 \text{ GBP} = 7,32 / 1,50463 = 4,8650 \text{ USD}$$

$$\rightarrow \text{GBP/USD} = 4.8650$$

$$1 \text{ USD} = 1,50463 / 0,32258 = 4,6644 \text{ FRF}$$

$$\rightarrow \text{USD/FRF} = 4.6644$$

## b. Hệ thống tỷ giá Bretton Woods:

### ❖ Hội nghị Bretton Woods :

- Ảnh hưởng của chiến tranh thế giới lần thứ hai 1939-1945, tình hình tài chính tiền tệ của các nước TBCN hỗn loạn .
- 1944 Mỹ , Anh và một số nước đồng minh của họ đã họp tại **Bretton Woods** , **New Hampshire** (cách Boston 150 km), 44 quốc gia tham dự hội nghị đã đi đến thỏa thuận :
  - Thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế **IMF**
  - Ngân hàng thế giới **WB**
  - Hình thành hệ thống tỷ giá hối đoái Bretton Woods

# Hệ thống tỷ giá hối đoái Bretton Woods:

Tỷ giá hối đoái chính thức của các nước được hình thành trên cơ sở so sánh với hàm lượng vàng chính thức của đôla Mỹ (**0,888671g-35USD/ ounce**) và không được phép biến động quá phạm vi  $\pm x\%$  (lúc bấy giờ là 1%) của tỷ giá chính thức đã đăng ký tại IMF.

Năm 1971 (**15/08/1971** tổng thống Mỹ Nixon tuyên bố phá giá USD,  $x=2.25\%$ ), năm **1973** IMF chính thức huỷ bỏ cơ chế tỷ giá Bretton Woods



## Who are we?

[Members](#) Quotas  
Shares, Governors,  
and Voting Power

[Executive Directors](#)  
and Voting Power

[Senior Officials](#)

[Organization](#)

## Resources

[Quotas](#)

[Gold](#)

[IMF Finances](#)

[Financing  
Operations](#)

## About the IMF

700 19th St. NW, Washington, DC 20431



The IMF is an international organization of 184 member countries. It was established to promote international monetary cooperation, exchange stability, and orderly exchange arrangements; to foster economic growth and high levels of employment; and to provide temporary financial assistance to countries to help ease balance of payments adjustment. (See [Purposes of the IMF](#) in the Articles of Agreement.)

Since the IMF was established its purposes have remained unchanged but its operations—which involve [surveillance](#), [financial assistance](#), and [technical assistance](#)—have developed to meet the changing needs of its member countries in an evolving world economy.

**Growth in IMF Membership, 1945 - 2003**  
(number of countries)

## Learn More About the IMF

[IMF at a Glance](#)


[Factsheets](#)  
short summaries of  
Fund policies and  
operations

[What is the IMF?](#)  
an introductory  
document

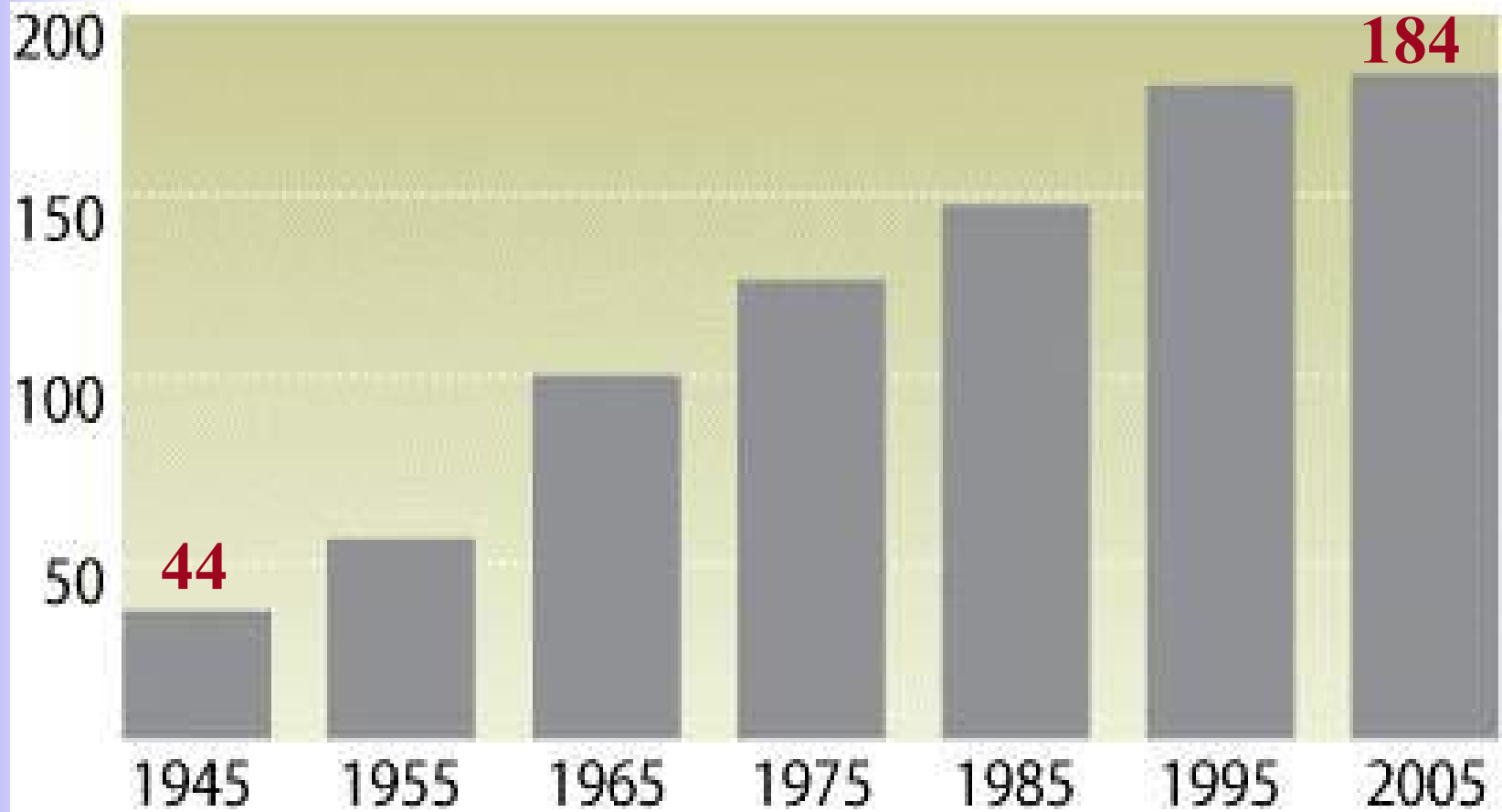
[IMF in Focus](#)  
an annual summary  
of the main  
activities of the  
Fund


[Frequently Asked  
Questions](#)

[Questions in the  
News](#)

- 
- IMF được thiết lập nhằm tăng cường sự hợp tác tiền tệ quốc tế, ổn định tỷ giá để thúc đẩy phát triển kinh tế.
  - Các quốc gia có thể yêu cầu IMF tài trợ nếu có nhu cầu về cán cân thanh toán mà không thể tìm kiếm các nguồn khác có điều kiện thích hợp để đáp ứng nhu cầu thanh toán quốc tế.
  - Hoạt động của IMF bao gồm : giám sát, hỗ trợ tài chính và trợ giúp kỹ thuật.

# Sự phát triển thành viên của IMF từ 1945-2005



- 
- **Việt nam** gia nhập IMF kể từ **ngày 21 tháng 9 năm 1956**. Cổ phần của Việt nam hiện là **329,1 triệu SDR** (tương đương khoảng 475,3 triệu USD).
  - Tổng khoản nợ của VN đối với IMF tính đến 31/01/2007 là 120.06 triệu SDR.
  - The Special Drawing Right (SDR): quyền rút vốn đặc biệt.
  - Ngày nay SRD được sử dụng hạn chế và chức năng chính là một loại tiền ghi sổ của IMF hoặc vài tổ chức tài chính khác.



## Friday, February 23, 2007

Currency	Currency amount under Rule O-1	Exchange rate <sup>1</sup>	U.S. dollar equivalent	Percent change in exchange rate against U.S. dollar from previous calculation
Euro	0.41	1.3116	0.537756	0.183
Japanese yen	18.4	121.44	0.151515	-0.099
Pound sterling	0.0903	1.9579	0.176798	0.385
U.S. dollar	0.632	1	<u>0.632</u>	
			1.498069	
	U.S.\$1.00 = SDR		0.667526 <sup>2</sup>	-0.101 <sup>3</sup>
	SDR1 = US\$		1.49807 <sup>4</sup>	



# About Us

Search  About Us ▼

[Home](#) > [About Us](#)

[Email](#)

- [Español](#)
- [Русский](#)
- [العربية](#)
- [Français](#)

- [+ Home](#)
- [+ Challenge](#)
- [+ Organization](#)
- [+ Members](#)
- [+ Operations](#)
- [+ Projects](#)
- [+ Partners](#)
- [+ Staff](#)
- [+ History](#)
- [+ Contacts](#)
- [+ Speakers Bureau](#)

## About Us



The World Bank is a vital source of financial and technical assistance to developing countries around the world. We are not a bank in the common sense. We are made up of two unique development institutions owned by 184 member countries—the International Bank for Reconstruction and Development (IBRD) and the International Development Association (IDA). Each institution plays a different but supportive role in our mission of global poverty reduction and the improvement of living standards. The IBRD focuses on middle income and creditworthy poor countries, while IDA focuses on the poorest countries in the world. Together we provide low-interest loans, interest-free credit and grants to developing countries for education, health, infrastructure, communications and many other purposes.

### BASIC FACTS




**President:** [Paul Wolfowitz](#)

### World Bank:

The International Bank for Reconstruction and Development (IBRD) and the International

- 
- Ngân hàng thế giới **WB** - The World Bank Group
    - Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (**IBRD**)  
The International Bank for Reconstruction and Development
    - Hiệp hội Phát Triển Quốc tế (**IDA**)  
The International Development Association
    - Công ty Tài chính Quốc tế (**IFC**)  
The International Finance Corporation
    - Công ty Đảm lãnh Đầu tư Đa biên (**MIGA**)  
The Multilateral Investment Guarantee Agency
    - Trung Tâm Hoà Giải Tranh Chấp Đầu Tư Quốc tế (**ICSID**) The International Centre for Settlement of Investment Disputes

- 
- Thực hiện sứ mệnh giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống toàn cầu.
  - Cung cấp những khoản vay có lãi suất thấp hoặc không trả lãi suất và tài trợ không hoàn lại.
  - IBRD tập trung vào những quốc gia nghèo có thu nhập trung bình
  - IDA tập trung vào những quốc gia nghèo nhất trên thế giới.
  - WB không hoạt động vì lợi nhuận.



# WB và Việt Nam

- Việt Nam gia nhập World Bank 1956
- Cho đến tháng 01/2007, World Bank đã tài trợ cho Việt Nam 6.627,4 triệu USD.
- Được tài trợ không hoàn lại 28,45 tr USD.
- 06/02/2007 WB thông báo dự định sẽ tài trợ cho VN hơn 800 triệu USD/năm không phải trả lãi để hỗ trợ VN trong vòng 5 năm tới. Mục tiêu của dự án là giảm nghèo và hướng đất nước về mục tiêu đạt được thu nhập trung bình vào năm 2010.

c. Trong chế độ tiền tệ ngày nay (từ năm 1973):

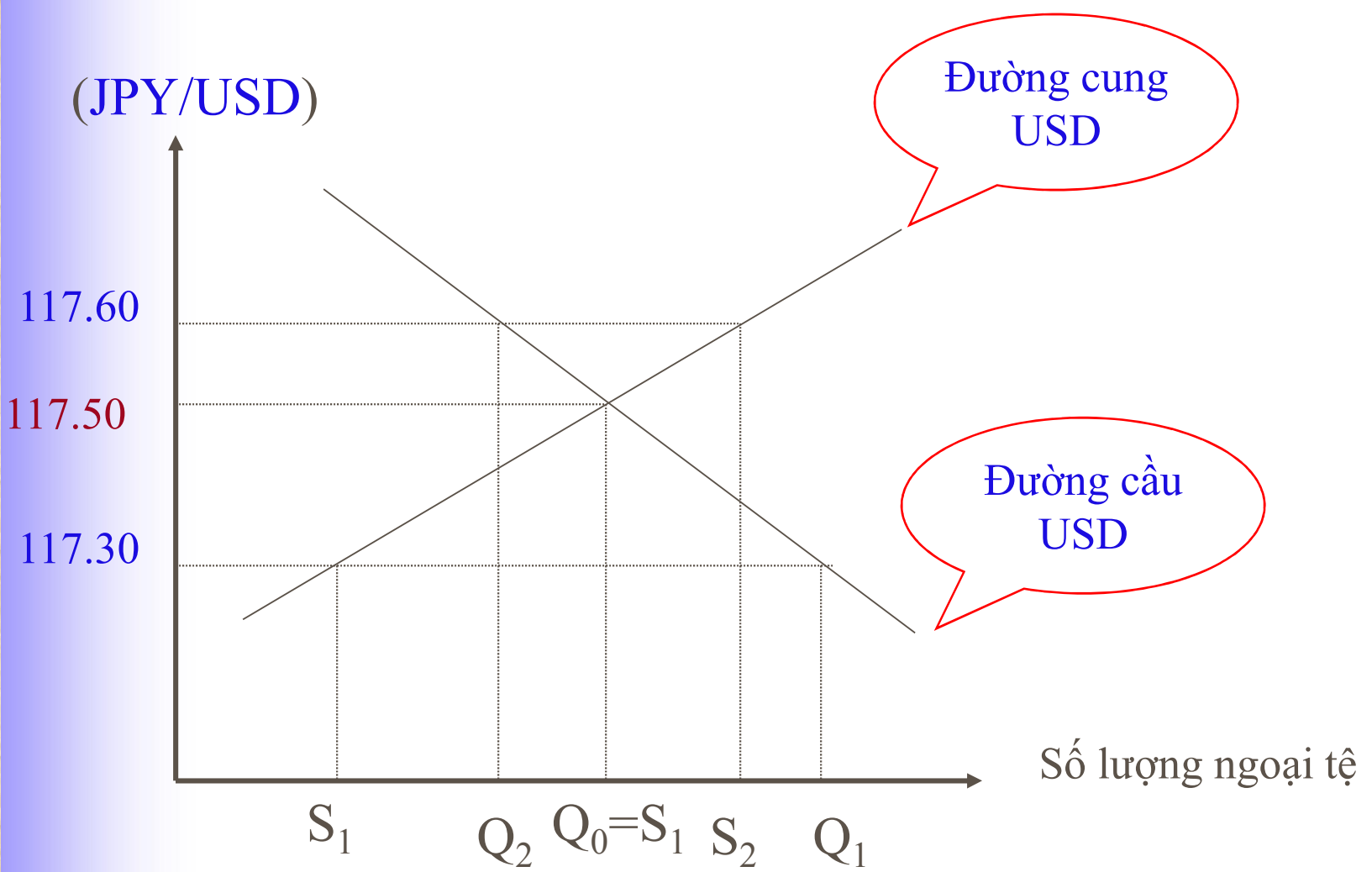
- **Tỷ giá cố định (Fixed Exchange rate):** là tỷ giá không biến động thường xuyên, không phụ thuộc vào quy luật cung cầu, phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chính phủ.

Ngày 01/09/1998 Malaysia thực hiện cơ chế tỷ giá cố định cho đồng ringgit (MYR)-21/07/05 thả nổi (3.80 MYR/USD).




- Tỷ giá thả nổi tự do (Freely Floating exchange rate):


Tỷ giá thả nổi tự do là cơ chế tỷ giá mà theo đó giá cả ngoại tệ sẽ do cung cầu quyết định và không có sự can thiệp của chính phủ (hoặc can thiệp thông qua các công cụ tài chính tiền tệ).





- 
- **Tỷ giá thả nổi có quản lý (Managed Float exchange rate)** Là tỷ giá thả nổi nhưng có sự can thiệp của chính phủ.

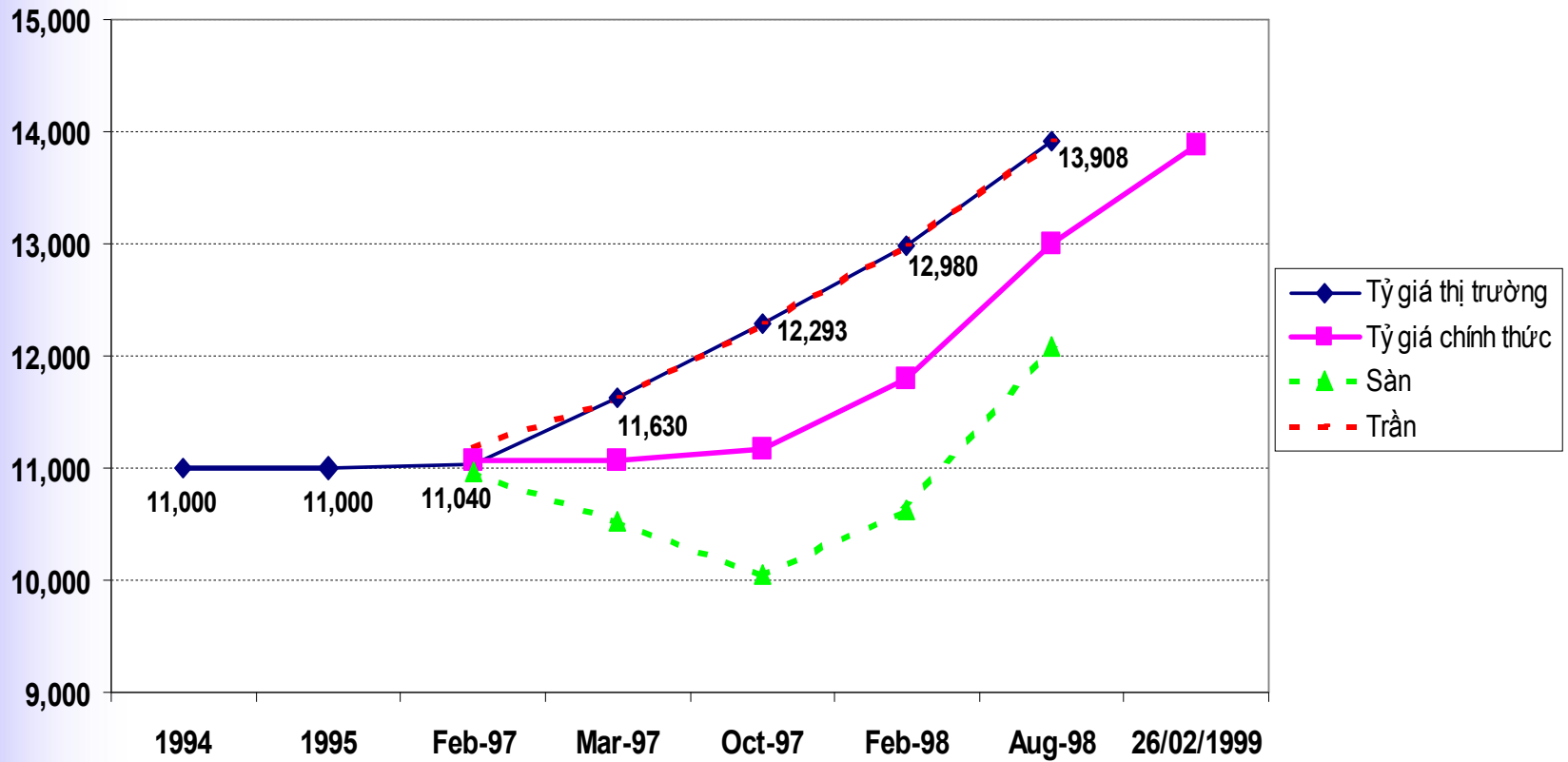
**Chính phủ ((NHTW) sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ hoặc công cụ hành chính để tác động lên tỷ giá hối đoái phục vụ cho chiến lược chung của nước mình.**



**Việt Nam áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý.**

**Từ ngày *25/02/1999* NHNN công bố tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, các NHTM mua bán trong phạm vi  $0.1\%$ , hiện nay  $\pm 2\%$ .**

## Tỷ giá VND 1994 - 1999



Năm	Tỷ giá thị trường	Tỷ giá chính thức	Biên độ	Sàn	Trần
1994	11,000				
1995	11,000				
Feb-97	11,040	11,076	+/- 1%	10,965	11,187
Mar-97	11,630	11,076	+/- 5%	10,522	11,630
Oct-97	12,293	11,175	+/- 10%	10,058	12,293
Feb-98	12,980	11,800	+/- 10%	10,620	12,980
Aug-98	13,908	12,998	+/- 7%	12,088	13,908
26/02/1999		13,880	+/- 0.1%		



## 5. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của tỷ giá hối đoái:

- Lạm phát  $\rightarrow$  tỷ giá hối đoái.
- Cán cân thanh toán quốc tế  $\rightarrow$  tỷ giá hối đoái.
- Một số nhân tố khác như : Sự điều chỉnh các chính sách tài chính tiền tệ - lãi suất, các sự kiện kinh tế, xã hội, chiến tranh, thiên tai, sự biến động của các chỉ số thống kê về việc làm - thất nghiệp - tăng trưởng kinh tế ...

## a. Liên quan giữa tỷ giá hối đoái với tỷ lệ lạm phát

### -Lạm phát là gì?

Lạm phát là sự suy giảm sức mua của tiền tệ và được đo lường bằng chỉ số giá cả chung ngày càng tăng lên.

Theo bảng số liệu VN, mức lạm phát ở Việt Nam:

1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
9.20%	0.10%	-0.60%	0.80%	4%	3%	9.50%	8.40%





❖ **Lý thuyết đồng giá sức mua (Ricardo – Cassel)**

**3P (Purchasing Power Parity-Ricardo -1772-1823).**

Với giả thiết cước phí vận chuyển, thuế hải quan được giả định bằng không, nếu các hàng hoá đều đồng nhất thì người tiêu dùng sẽ mua hàng ở nước nào mà giá thật sự thấp. Cũng theo giả thiết đó, một kiện hàng X ở Canada giá **150 CAD** và cũng kiện hàng X đó ở Mỹ giá **100 USD** thì tỷ giá hối đoái sẽ chuyển đến mức là :



USD 150 CAD (Giá cả hàng hóa X tại Canada)  
----- = -----=1.50

CAD 100 USD (Giá cả hàng hóa X tại Mỹ)

Nếu cuối năm lạm phát xảy ra tại các nước này thì tỷ giá sẽ thay đổi, khi đó tỷ giá cuối kỳ:

$$T_{ck} = T_{đk} \frac{(1 + LP_b)}{(1 + LP_a)}$$


- . a là đồng tiền yết giá
- . b là đồng tiền định giá
- .  $T_{đk}$  là tỷ giá đầu kỳ
- .  $T_{ck}$  là tỷ giá cuối kỳ
- .  $LP_a$  là lạm phát tại quốc gia đồng tiền a
- .  $LP_b$  là lạm phát tại quốc gia đồng tiền b



**b. Tình hình dư thừa hay thiếu hụt của cán cân thanh toán :**

Nếu cán cân thanh toán thường xuyên thâm hụt ( $chi > thu$ ), thì dự trữ ngoại tệ của quốc gia sẽ giảm, tình hình ngoại tệ căng thẳng, từ đó tạo ra nhu cầu ngoại tệ tăng lên, giá ngoại tệ tăng.


Nếu cán cân thanh toán thặng dư, ( $thu > chi$ ), dự trữ ngoại tệ tăng, cung ngoại tệ trên thị trường tăng, giá ngoại tệ có khuynh hướng giảm .



c. **Một số nhân tố khác như** : Sự điều chỉnh các chính sách tài chính tiền tệ, các sự kiện kinh tế, xã hội, chiến tranh, thiên tai, sự biến động của các chỉ số thống kê về việc làm- thất nghiệp- tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt là các chỉ số và các sự kiện tại Mỹ sẽ ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái trên thị trường thế giới. Cụ thể là các nhân tố :

- **Lãi suất.**
- **Việc làm.**
- **Sự kiện chính trị.**

Tóm lại : Khi tỷ giá được thả nổi thì nó rất nhạy cảm với những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, chiến tranh kể cả các yếu tố tâm lí...(11/09)

- 
- Thủ tướng Thái Lan **Thaksin** giải tán Hạ viện tại Thái Lan cuối tháng 2/2006 (24/02/2006)  
-> THB mất giá
  - Âm mưu lật đổ Tổng thống tại Philippines vào tuần cuối tháng 2/năm 2006, tổng thống **Agloria Arroyo** tuyên bố tình trạng khẩn cấp.  
-> PHP giảm giá
  - Sự thay đổi lãi suất của FED- tỷ giá USD tăng giảm

# Tỷ giá chéo

- Hai đồng tiền yết giá trực tiếp:

Ví dụ:

$$\text{USD/VND} = 16000$$

$$\text{USD/JPY} = 223.16$$

$$\text{JPY/VND} = ?$$

$$\text{JPY/VND} = \text{JPY/USD} \times \text{USD/VND}$$

$$= \text{USD/VND} \times \frac{1}{\text{USD/JPY}}$$

$$= 16000/223.16$$



■ Hai đồng tiền yết giá gián tiếp:

Ví dụ:

$$\text{EUR/USD} = 1.2804$$

$$\text{GBP/USD} = 1.9037$$

$$\text{GBP/EUR} = ?$$

$$\begin{aligned}\text{GBP/EUR} &= \text{GBP/USD} \times \text{USD/EUR} \\ &= \text{GBP/USD} \times \frac{1}{\text{EUR/USD}} \\ &= 1.9037/1.2804\end{aligned}$$

- 
- Một đồng tiền yết giá trực tiếp và một đồng tiền yết giá gián tiếp:

**Ví dụ:**

$$\mathbf{EUR/USD = 1.2804}$$

$$\mathbf{USD/VND = 16000}$$


$$\mathbf{EUR/VND = ?}$$

$$\begin{aligned}\mathbf{EUR/VND} &= \mathbf{GBP/USD \times USD/VND} \\ &= \mathbf{1.2804 \times 16000}\end{aligned}$$

# Incoterms 2000-ICC No 620

- **EXW-Ex Works- Giao tại xưởng**
- **FCA- Free Carrier- Giao cho người chuyên chở**
- **FAS-Free Alongside Ship- Giao hàng dọc mạn tàu**
- **FOB-Free on Board- giao lên tàu**
- **CFR-Cost and freight- Tiền hàng và cước phí**
- **CIF-Cost, Insurance and Freight- tiền hàng-bảo hiểm và cước phí**



- 
- + **CPT**-Carriage Paid to- cước phí trả tới
  - + **CIP**-Carriage and Insurance Paid to- Cước phí và bảo hiểm trả tới.
  - + **DAF**-Delivered at Frontier- Giao tại biên giới
  - + **DES**- Delivered Ex Ship- Giao tại tàu
  - + **DEQ**-Delivered Ex Quay- Giao tại cầu tàu
  - + **DDU**- Delivered Duty Unpaid- Giao hàng chưa nộp thuế
  - + **DDP**-Delivered Duty Paid- Giao hàng đã nộp thuế

## II. THỊ TRƯỜNG HỒI ĐOÁI (Le Marché des changes, Foreign Exchange Market- **FX Market**)



### 1. **Khái niệm :**

Thị trường hối đoái là nơi thực hiện việc mua bán các ngoại tệ và phương tiện chi trả có giá trị như ngoại tệ, và giá cả ngoại tệ được xác định trên cơ sở cung cầu.

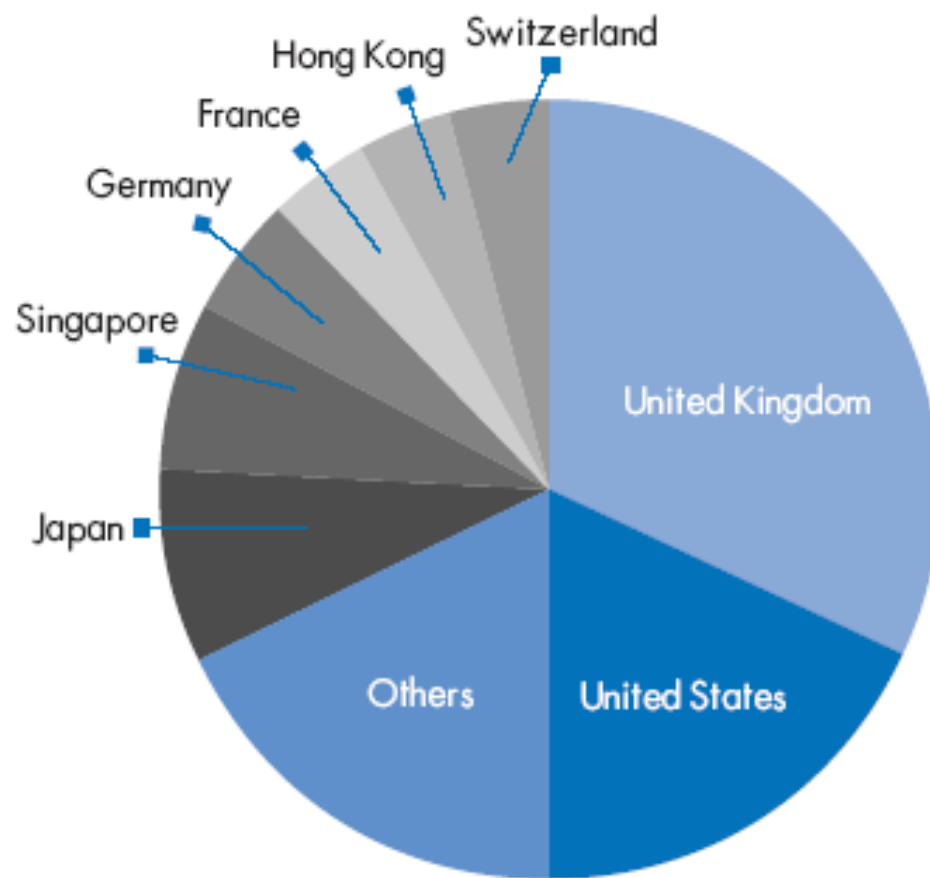
## **2. Đặc điểm thị trường hối đoái:**

- **Là thị trường lớn nhất thế giới.**

**Ước lượng doanh thu hàng ngày của thị trường này là khoảng 1500 tỷ USD. Cá nhân kinh doanh từ 200 triệu USD đến 500 triệu USD không phải là hiếm.**

**Giá của các đồng tiền thay đổi bình quân là 20 lần/phút. Đặc biệt với những đồng tiền được mua bán nhiều, giá có thể thay đổi đến 18000 lần/ngày.**

## Shares of Reported Global Foreign Exchange Turnover, 1998

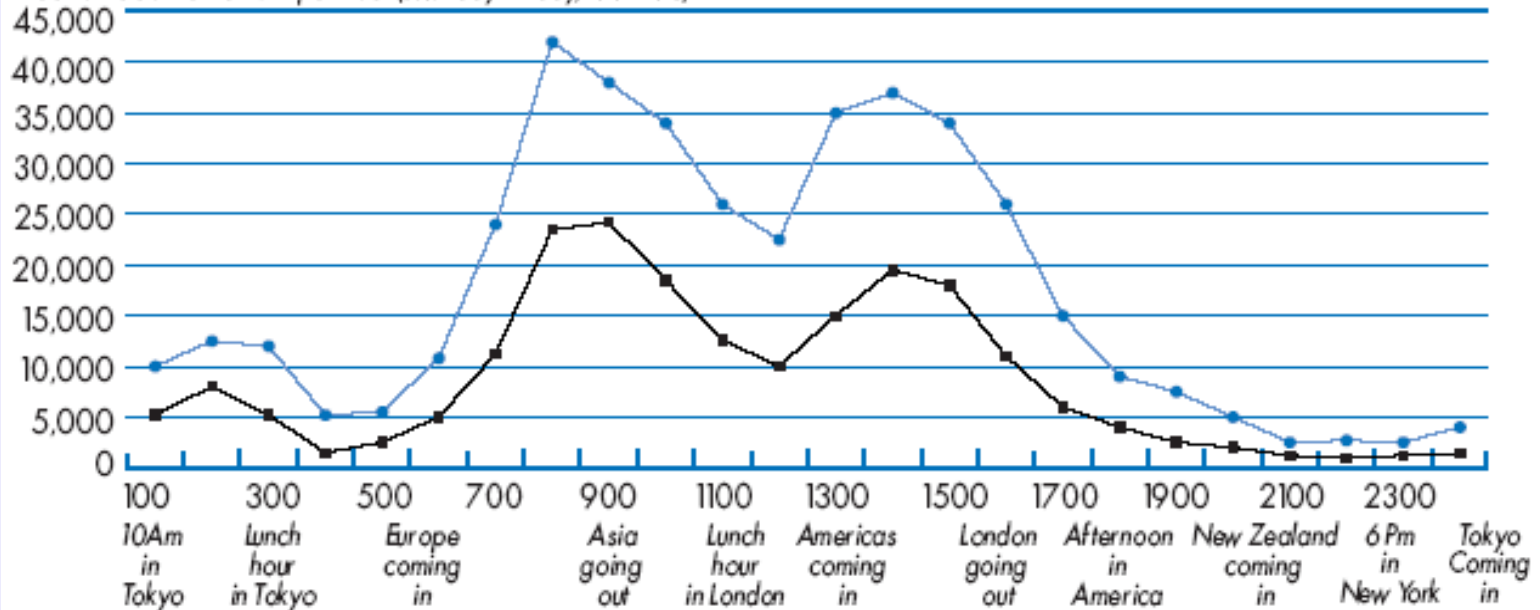


*Source: Bank for International Settlements.  
Note: Percent of total reporting foreign exchange turnover,  
adjusted for intra-country double-counting.*

- **Thị trường hoạt động liên tục 24/24** do sự chênh lệch múi giờ (trừ những ngày nghỉ cuối tuần ).

### The Circadian Rhythms of the FX Market

*Electronic conversations per hour (Monday-Friday, 1992-93)*



Note: Time (0100-2400 hours, Greenwich Mean Time)


Source: Reuters




- Thị trường mang tính **quốc tế**.

Các dealer của các trung tâm tài chính như New York, Chicago, London, Tokyo, Hong Kong, Singapore... kinh doanh với nhau và họ mua bán cùng một loại đồng tiền.

Thông tin trên thị trường được truyền đi đồng thời và gần như là tức khắc đến cho các dealers trên toàn cầu. Vì thế giá cả trên các thị trường kinh doanh sôi động gần như giống nhau và rất hiếm khi xảy ra sự chênh lệch lớn về giá cả, tạo cơ hội cho kinh doanh chênh lệch giá.

- 
- Tỷ giá thị trường được xác định trên cơ sở **cung và cầu ngoại** tệ trên thị trường.
  - Những đồng tiền mạnh như **USD, EUR, JPY, CHF, GBP, AUD...** giữ vị trí quan trọng của thị trường, đặc biệt là đồng Đôla Mỹ (USD).

Theo nghiên cứu 1998, USD được ước tính chiếm 87% giao dịch của thị trường (chiếm khoảng 1300 tỷ USD.) – Đầu tư, dự trữ, thanh toán, điều chỉnh tỷ giá hối đoái, là đồng tiền trung gian khi kinh doanh các ngoại tệ khác...

- 
- Thị trường hối đoái phần lớn được mua bán qua thị trường **OTC (Over The Counter)**, thị trường vô hình, mua bán qua điện thoại, telex, mạng vi tính...

Ở thị trường Mỹ 90% giao dịch được thực hiện trên thị trường OTC.



### 3. Đối tượng tham gia thị trường hối đoái:

a. Các Ngân hàng thương mại (Commercial Banks)

Trong Dealing room thường bao gồm các nhóm sau:

- Bộ phận chuyên kinh doanh mua bán ngoại hối.
- Bộ phận gồm các nhà phân tích để dự đoán tỷ giá, tính toán tỷ giá.
- Bộ phận quản trị, kiểm soát.

b. Các nhà môi giới (Broker, Courtier)

c. Ngân hàng trung ương (Central Bank)

d. Các công ty kinh doanh (Corporate customers)



# Căn cứ vào mục tiêu kinh doanh

- Các nhà kinh doanh (**Dealers**)
- Các nhà môi giới (**Brokers**)
- Các nhà đầu cơ (**Speculators**)
- Các nhà kinh doanh chênh lệch giá (**Arbitrageurs**)



## 4. Phương thức giao dịch (Methods of trading)

Nhiều phương thức giao dịch được sử dụng như thực hiện các nghiệp vụ trên thị trường hối đoái:

- Điện thoại (**telephone**)
- Hệ thống xử lý điện tử (**Electronic dealing systems**) Reuters dealing 3000- 110 quốc gia, 4000 tổ chức tài chính, 18000 người có **users**.
- Điện tín (**telex**)
- SWIFT (**Society for World-wide InterBank Financial Telecommunication**) (trang 246)

### III. CÁC NGHIỆP VỤ HỐI ĐOÁI

#### 1. Nghiệp vụ Spot còn gọi là nghiệp vụ giao ngay: (Spot Operations)

Nghiệp vụ Spot là hoạt động mua bán ngoại tệ mà theo đó việc chuyển giao ngoại tệ được thực hiện ngay, theo tỷ giá đã được hai bên thỏa thuận.

Lưu ý: ngày thỏa thuận và ngày giao hàng có khoảng cách là **2 ngày (t+2)**

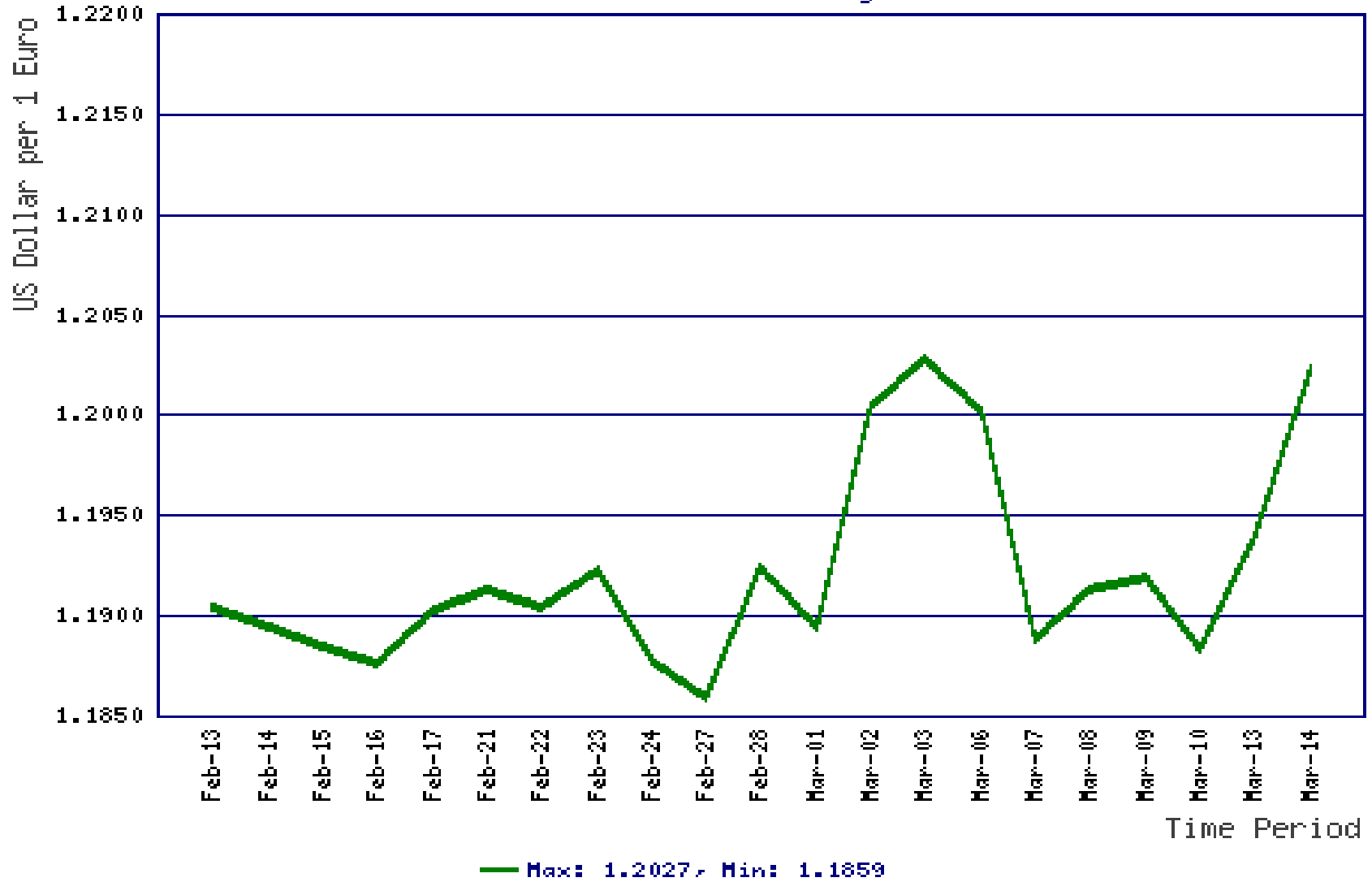


## Last 30 Days



Max: 119.0679, Min: 115.8464

## Last 30 Days





## **2. Nghiệp vụ Àùc bít (Arbitrage Operations)**

Àùc bít là một loại nghiệp vụ hối đoái nhằm sử dụng mức chênh lệch tỷ giá giữa các thị trường hối đoái để thu lợi nhuận. Tức là mua ở nơi thấp nhất và bán ở nơi cao nhất.



# Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Zurich:  $CAD/CHF = 1.1340 - 1.1347$
- Newyork:  $USD/CHF = 1.3055 - 1.3060$
- Toronto:  $USD/CAD = 1.1582 - 1.1587$

Yêu cầu kinh doanh àc bít vôi 100 triêu USD, 100 triêu CAD, 100 triêu CHF





## Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Toronto:  $\text{USD}/\text{CAD} = 1.1625 - 1.1629$
- Zurich:  $\text{CAD}/\text{CHF} = 1.1120 - 1.1125$
- Newyork:  $\text{USD}/\text{CHF} = 1.2930 - 1.2936$

Yêu cầu kinh doanh àc bít vôi 100 triệu USD,  
100 triệu CAD, 100 triệu CHF



## Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Toronto:  $\text{USD/CAD} = 1.1624 - 1.1628$
- Zurich:  $\text{CAD/CHF} = 1.1120 - 1.1125$
- Newyork:  $\text{USD/CHF} = 1.2924 - 1.2932$

Yêu cầu kinh doanh àc bít vôi 100 triệu USD,  
100 triệu CAD, 100 triệu CHF



## Tại thời điểm T ta có thông tin

- **Newyork: USD/CHF = 1.2046- 1.2053**
- **Zurich: AUD/CHF = 0.9280-0.9286**
- **Sydney: AUD/USD = 0.7685-0.7690**

Yêu cầu kinh doanh àc bít vôi 100 triêu USD,  
100 triêu AUD, 100 triêu CHF



Tại thời điểm T ta có thông tin

- Sydney:  $AUD/USD = 0.7683-0.7689$
- Newyork:  $USD/CHF = 1.2042- 1.2048$
- Zurich:  $AUD/CHF = 0.9280-0.9285$

Yêu cầu kinh doanh ác biệt với 100 triệu  
USD, 100 triệu AUD, 100 triệu CHF



# Tại thời điểm T ta có thông tin

- **Zurich: AUD/CHF = 0.9278-0.9284**
- **Sydney: AUD/USD = 0.7682-0.7686**
- **Newyork: USD/CHF = 1.2040- 1.2045**

Yeâu caàu kinh doanh àùc bít vòuì 100 trieäu USD,  
100 trieäu AUD, 100 trieäu CHF



## Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Zurich:  $\text{GBP/CHF} = 2.2535 - 2.2542$
- London:  $\text{GBP/SGD} = 3.1240 - 3.1245$
- Singapore:  $\text{CHF/SGD} = 1.3782 - 1.3786$

Yêu cầu thực hiện àùc bít vòuì 100 triêu GBP,  
SGD, CHF?



## Tại thời điểm T ta có thông tin:

- London:  $\text{GBP/SGD} = 3.1242 - 3.1247$
- Zurich:  $\text{GBP/CHF} = 2.2530 - 2.2536$
- Singapore:  $\text{CHF/SGD} = 1.3781 - 1.3785$

Yêu cầu thực hiện àùc bít vòuì 100 triêu GBP,  
SGD, CHF?



## Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Singapore: CHF/SGD= 1.3780-1.3785
- Zurich: GBP/CHF= 2.2534-2.2539
- London: GBP/SGD= 3.1241-3.1247

Yêu cầu thực hiện àùc bít vòuì 100 triêu GBP,  
SGD, CHF?





## Tại thời điểm T ta có thông tin:

- Toronto:  $\text{USD/CAD} = 1.1635 - 1.1639$
- Zurich:  $\text{CAD/CHF} = 1.1122 - 1.1128$
- Newyork:  $\text{USD/CHF} = 1.2947 - 1.2953$

Yêu cầu kinh doanh àc bít vôi 100 triệu USD,  
100 triệu CAD, 100 triệu CHF



### 3. Nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn (**Forward Operations**)

Một giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn là một giao dịch mà trong đó mọi dữ kiện được định ra vào thời điểm hiện tại nhưng việc thực hiện sẽ diễn ra trong tương lai, theo tỷ giá thoả thuận trước có ghi trong hợp đồng.

**Tỷ giá có kỳ hạn sẽ được xác định trên cơ sở tỷ giá giao ngay, thời hạn giao dịch và lãi suất của hai đồng tiền đó. Cụ thể nó được tính toán bằng công thức sau đây:(cg thức 1)**

$$T_K = T_S \times \frac{1+KL_B}{1+KL_A}$$

Trong đó: **A** là đồng tiền yết giá, **B** là đồng tiền định giá.

**T<sub>K</sub>** là tỷ giá có kỳ hạn của đồng tiền A so với đồng tiền B.

**K** là thời hạn thỏa thuận (ngày, tháng, năm).

**L<sub>A</sub>** là lãi suất của đồng tiền A (ngày, tháng, năm).

**L<sub>B</sub>** là lãi suất của đồng tiền B (ngày, tháng, năm).

**T<sub>S</sub>** là tỷ giá giao ngay ( $A/B = x$ ).

FORWARD RATE = SPOT RATE + SWAP COST

$$T_K = T_S + T_S \times K \times (L_B - L_A)$$

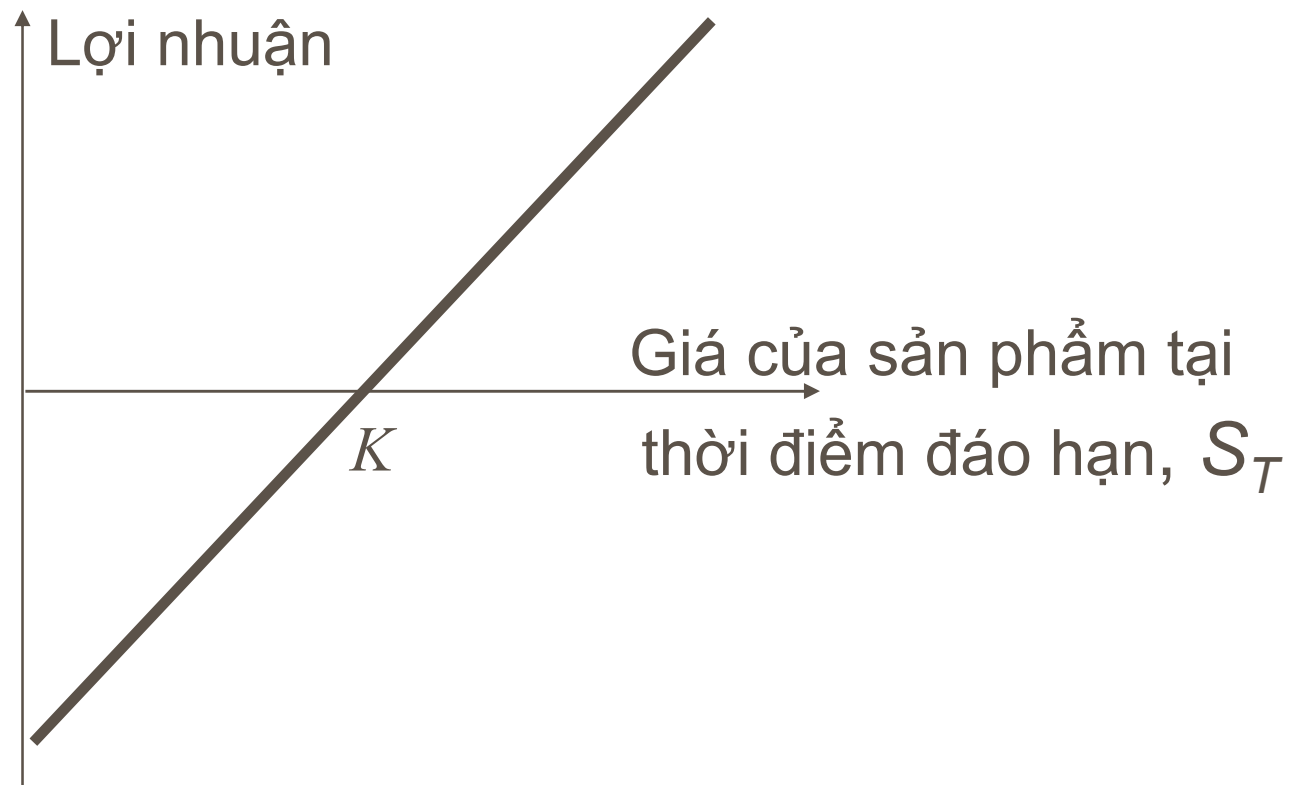
Khi  $L_B > L_A \rightarrow T_K > T_S$ , phần dôi ra được gọi là điểm gia tăng (Report, **Premium**).

Khi  $L_B < L_A \rightarrow T_K < T_S$  chênh lệch được gọi là điểm khấu trừ (Deport, **Discount**).

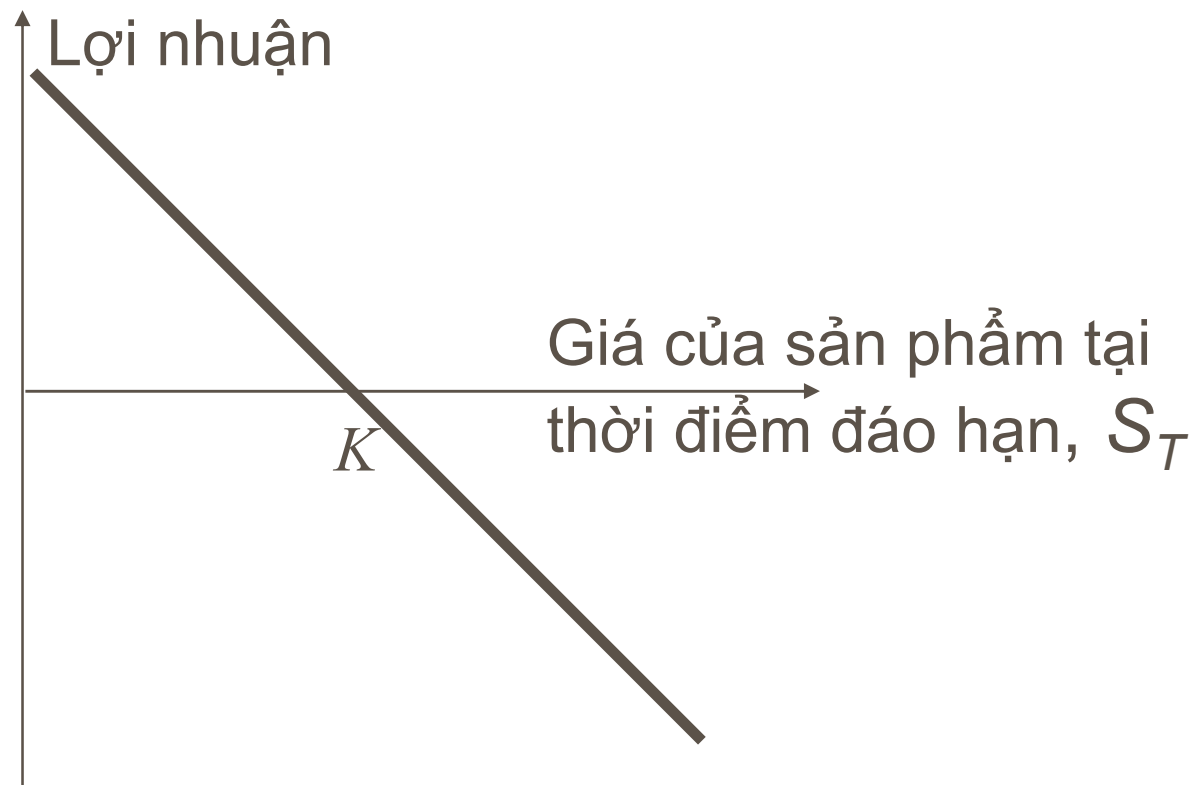
$$L_B = L_A \rightarrow T_K = T_S$$

■ VN, áp dụng theo [QD 648/NHNN](#) ngày 28/05/04

# Lợi nhuận từ vị thế mua trong hợp đồng kỳ hạn



# Lợi nhuận từ vị thế bán hợp đồng kỳ hạn

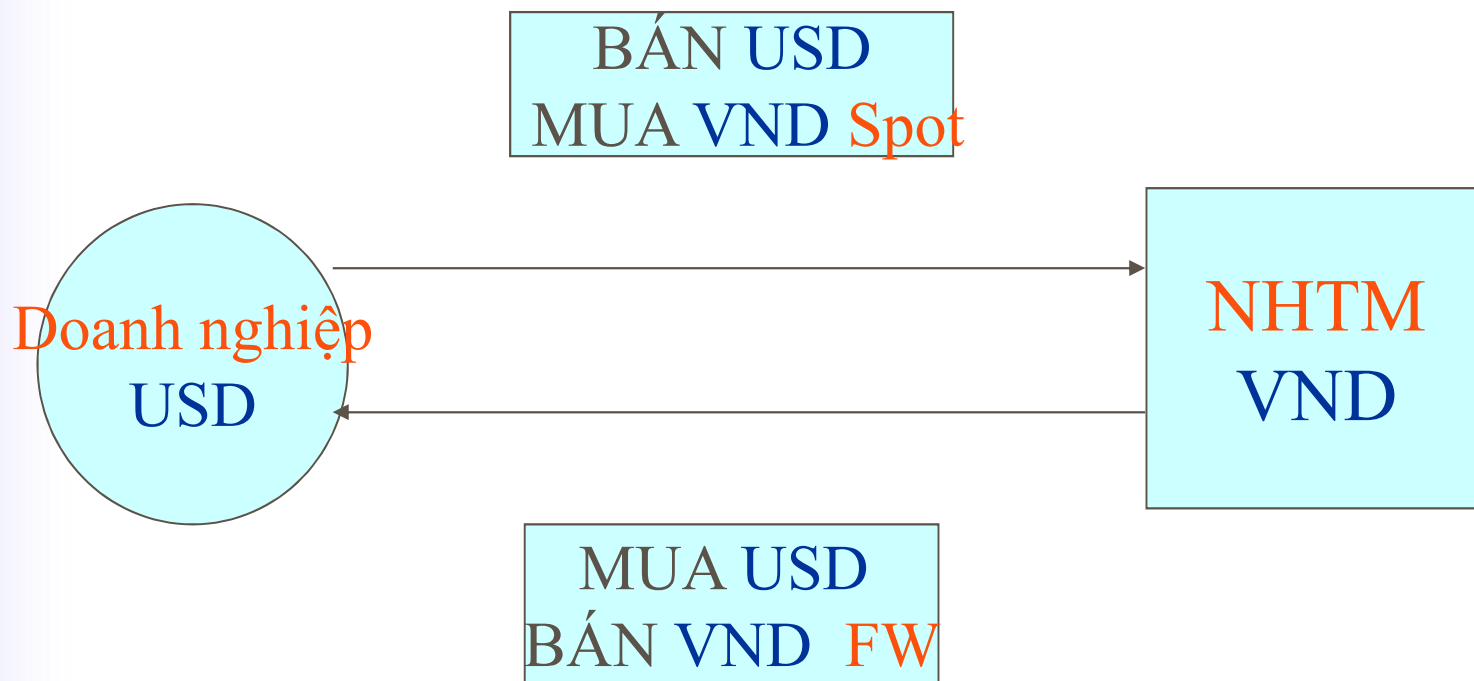




## 4. Nghiệp vụ Swap (nghiệp vụ hoán đổi)

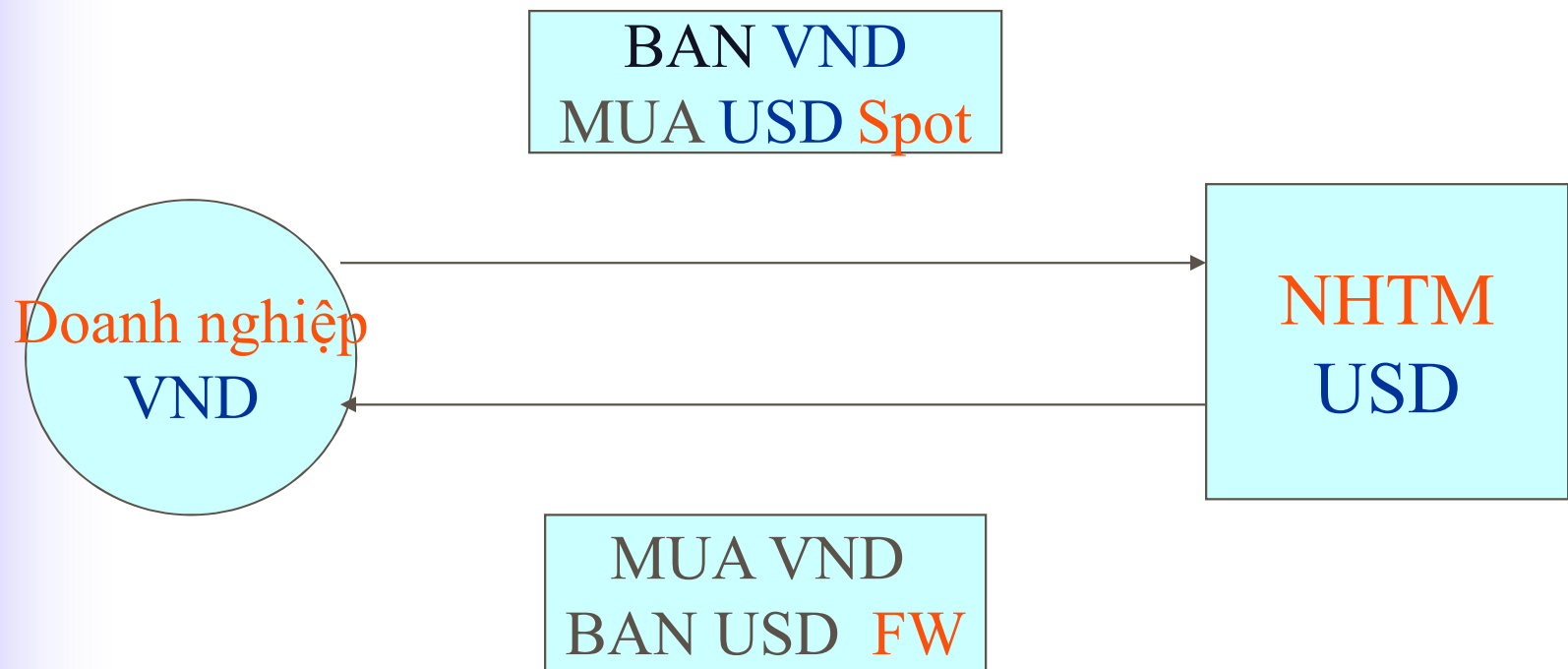
Là nghiệp vụ hối đoái kép, gồm hai nghiệp vụ **Spot** và **Forward**. Hai nghiệp vụ này được tiến hành **cùng một lúc**, với **cùng một lượng ngoại tệ** nhưng theo hai hướng **ngược nhau**.

# SWAP GIỮA DN VỚI NH

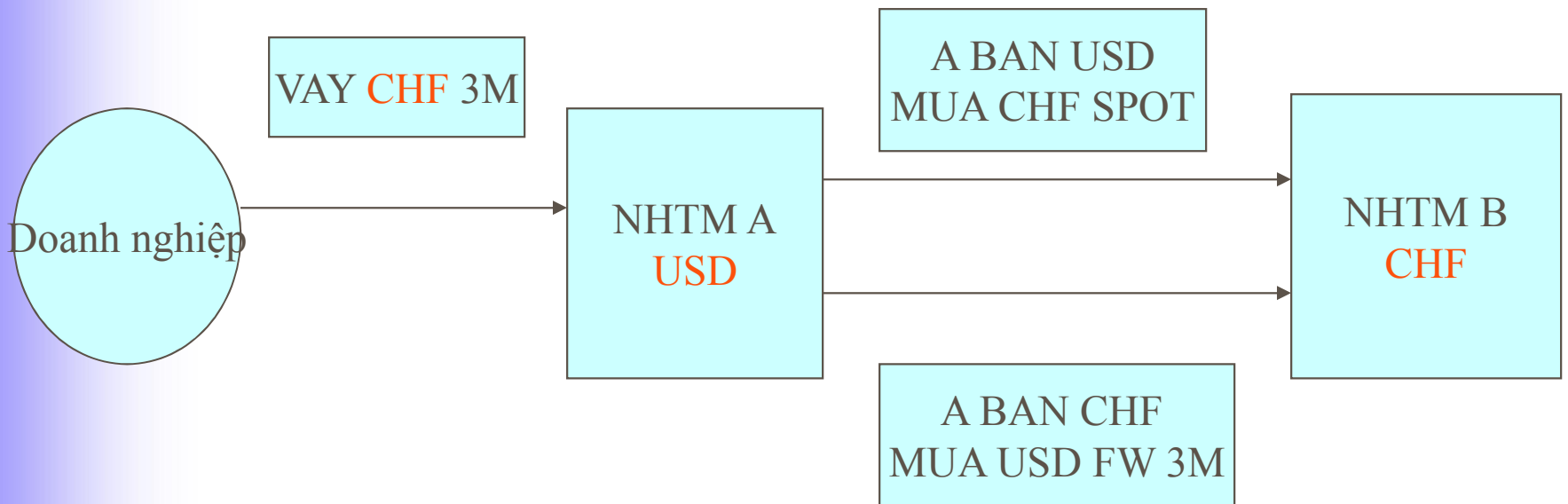




# SWAP GIỮA DN VỚI NH



# SWAP GIỮA NH VỚI NH



## 5. Nghiệp vụ quyền chọn (options)

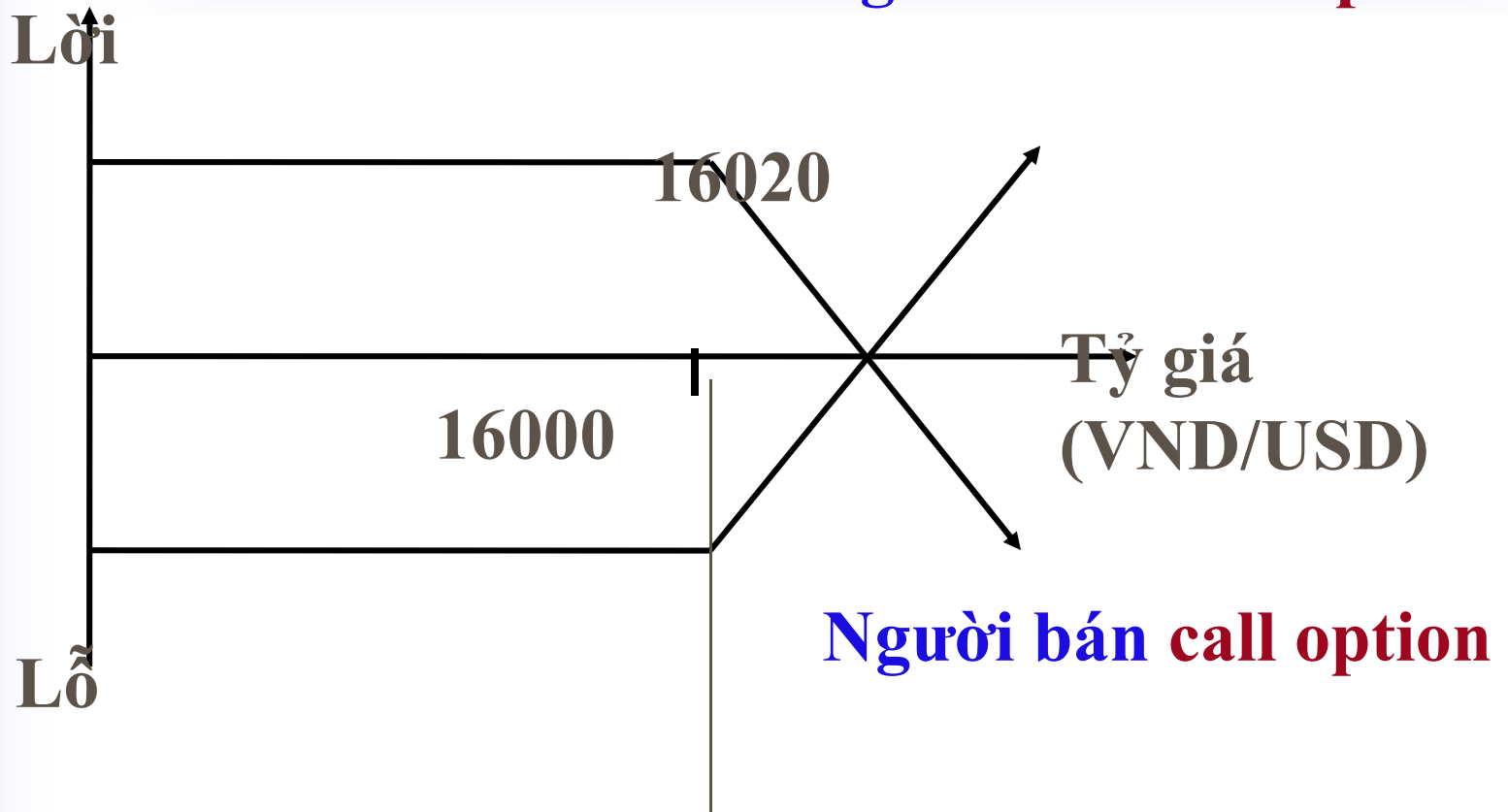
### 5.1 Quyền chọn mua (Call Option)

#### a. Người mua quyền chọn mua (Buyer Call Option) – (Long Call)

**Người mua call option có quyền mua**, nhưng không bắt buộc phải mua một lượng ngoại tệ (hàng hoá, chứng khoán) nhất định, theo một tỷ giá đã định trước vào một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó.

**Người mua call option phải trả** cho người bán call một khoản chi phí (premium).

## Người mua call option



## Người bán call option

**Call Breakeven = Strike (exercise price) + Premium**

$$16020 = 16000 + 20$$



The Definitive Source For Options Trading Information<sup>SM</sup>

Market Snapshot

DJX	SPX	NDX	OEX	RUT
DIA	SPY	QQQ	OEF	IWM
BXD	BXM	BXN	XEO	IBB
VXD	VIX	VXN	IBM	MVR

NDX



<b>DJIA</b>	11021.59	pc
<b>S&amp;P 500</b>	1287.23	pc
<b>Nasdaq Comp.</b>	2302.60	pc
<b>CBOE Volume</b>	0	N/A
<b>CFE Volume</b>	0	N/A

At least 15 min delay @ 05:58 ET

Sponsored by **Scottrade**

Constituents:

- CBOT Holdings, Inc. (BOT)
  - Chicago Mercantile Exchange Holdings, Inc. (CME)
  - IntercontinentalExchange (ICE)
  - International Securities Exchange, Inc. (ISE)
  - Nasdaq Stock Market Inc. (NDAQ)
- [Click here to learn more!](#)

MyCBOE

Customize your Home Page & more! **Register for free.**  
[Click here](#) if you've forgotten your **MyCBOE** password.

Username  Password

CBOEServices

- |  |  |
|--|--|
| <b>Basic</b>                           | <b>Premium</b>                             |
| <a href="#">Delayed Quotes</a>         | <a href="#">Volatility Optimizer</a>       |
| <a href="#">Equity Research Center</a> | <a href="#">Real-Time Streaming Quotes</a> |
| <a href="#">Email Alerts</a>           | <a href="#">Online Options Courses</a>     |

CBOE.org - The CBOE Membership Gateway

- |                                     |                                  |
|-------------------------------------|----------------------------------|
| <a href="#">CBOE.org Home</a>       | <a href="#">CBOE Hybrid Site</a> |
| <a href="#">CBOE Member Site</a>    | <a href="#">CBOE Legal Site</a>  |
| <a href="#">Member Firm Reports</a> | <a href="#">API/Systems Site</a> |
- [Apply For Membership](#)

CBOE News... CBOEHedgeStreet Strategic Alliance Video Now On CBOE-TV Channel 4

Delayed Quotes

The Options Institute

Featured Event



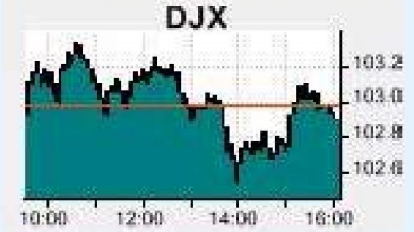
The Definitive Source For Options Trading Information<sup>SM</sup>

- My CBOE
- Quotes
- Data
- Products
- Trading Tools
- Strategies
- Learning Center
- About CBOE
- Institutional
- Advisors

### Market Snapshot

Mouse over buttons to view charts

DJX	SPX	NDX	OEX	VIX
DIA	SPY	QQQ	IWM	VXN



<b>DJIA</b>	10290.78	-7.06
<b>S&amp;P 500</b>	1190.69	-0.88
<b>Nasdaq Comp.</b>	2045.2	-8.1
<b>CBOE Volume</b>	1407517	N/A
<b>CFE Volume</b>	210	N/A

At least 15 min delay @ 03:20 ET sponsored by



## Welcome to CBOE.com

[Tour the site now](#)

### MyCBOE

Customize your Home Page & more! [Register for free](#). [Click here](#) if you've forgotten your **MyCBOE** password.

Username  Password

### CBOEServices

<b>Basic</b>	<b>Premium</b>
<a href="#">Delayed Quotes</a>	<a href="#">Volatility Optimizer</a>
<a href="#">Equity Research Center</a>	<a href="#">Real-Time Streaming Quotes</a>
<a href="#">Email Alerts</a>	<a href="#">Online Options Courses</a>

### CBOE.org - The CBOE Membership Gateway

- [CBOE.org Home](#)
- [CBOE Member Site](#)
- [Member Firm Reports](#)
- [CBOE Hybrid Site](#)
- [CBOE Legal Site](#)
- [API/Systems Site](#)
- [Apply For Membership](#)

**CBOE News...** CBOE MAY VOLUME INCREASES 24%; Options on NDX and SPX Set New CBOE Records

- Delayed Quotes
- Learning Center
- CBOE TV



b. Người bán quyền chọn mua (Seller Call option) –  
(Short call)

**Người bán call option có trách nhiệm bán** một số ngoại tệ nhất định (hàng hoá, chứng khoán), theo mức giá đã định trước tại một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó **khi người mua** muốn thực hiện quyền.

**American style-** được thực hiện bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian của hợp đồng

**European style-** chỉ được thực hiện quyền chọn vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

**IBM**

**79.96 pc**

Mar 06, 2006 @ 06:01 ET (Data 20 Minutes Delayed)

Bid N/A Ask N/A Size N/A x N/A Vol 0

Calls	Last Sale	Net	Bid	Ask	Vol	Open Int	Puts	Last Sale	Net	Bid	Ask	Vol	Open Int
<a href="#">06 Mar 70.00 (IBM CH-E)</a>	11.50	pc	0	0	0	260	<a href="#">06 Mar 70.00 (IBM OH-E)</a>	0.05	pc	0	0	0	698
<a href="#">06 Mar 75.00 (IBM CO-E)</a>	5.70	pc	0	0	0	1367	<a href="#">06 Mar 75.00 (IBM OO-E)</a>	0.05	pc	0	0	0	5459
<a href="#">06 Mar 80.00 (IBM CP-E)</a>	1.00	pc	0	0	0	20599	<a href="#">06 Mar 80.00 (IBM OP-E)</a>	0.85	pc	0	0	0	11408
<a href="#">06 Mar 85.00 (IBM CQ-E)</a>	0.10	pc	0	0	0	19353	<a href="#">06 Mar 85.00 (IBM OQ-E)</a>	4.50	pc	0	0	0	1101
<a href="#">06 Apr 70.00 (IBM DH-E)</a>	10.60	pc	0	0	0	1761	<a href="#">06 Apr 70.00 (IBM PH-E)</a>	0.20	pc	0	0	0	2316
<a href="#">06 Apr 75.00 (IBM DO-E)</a>	5.90	pc	0	0	0	1967	<a href="#">06 Apr 75.00 (IBM PO-E)</a>	0.45	pc	0	0	0	19122
<a href="#">06 Apr 80.00 (IBM DP-E)</a>	2.30	pc	0	0	0	21077	<a href="#">06 Apr 80.00 (IBM PP-E)</a>	1.65	pc	0	0	0	26516
<a href="#">06 Apr 85.00 (IBM DQ-E)</a>	0.60	pc	0	0	0	36499	<a href="#">06 Apr 85.00 (IBM PQ-E)</a>	4.70	pc	0	0	0	12553



Real-Time Streaming Option Chain CBOE Streaming Real-Time Quote Offers



## 5.2 Nghiệp vụ quyền chọn bán (Put option)

### a. Người mua quyền chọn bán (Buyer put option) – (Long put)

Người mua **put option** có được quyền bán, nhưng không bắt buộc phải bán một lượng ngoại tệ (hàng hoá, chứng khoán) nhất định, theo một tỷ giá đã định trước vào một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó.

Người mua **put option** phải trả cho người bán put một khoản chi phí



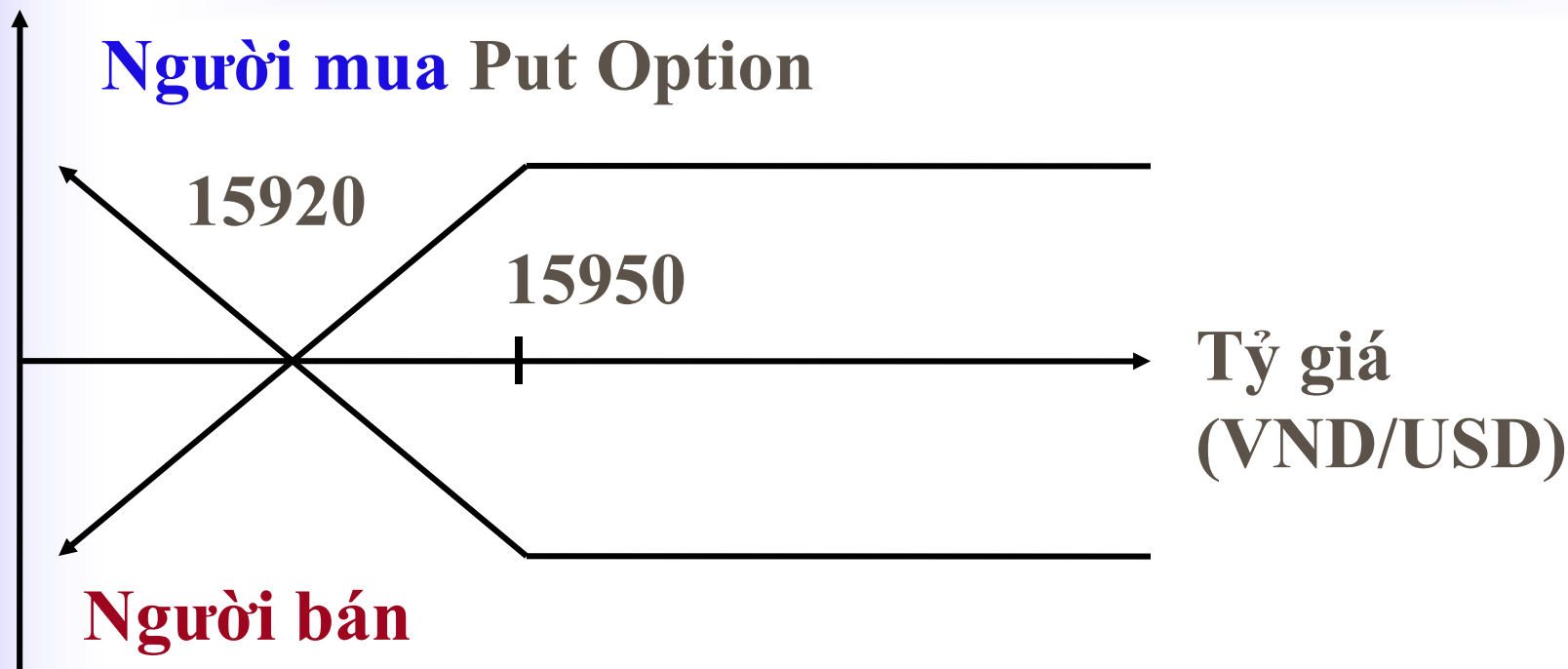
**b. Người bán quyền chọn bán (Seller put option) – (Short put)**

**Người bán put option** có trách nhiệm mua một số ngoại tệ (hàng hoá, chứng khoán) nhất định, theo một giá đã định trước tại một ngày xác định trong tương lai hoặc trước ngày đó khi người mua put option muốn thực hiện quyền.

**Giá option (premium)** phụ thuộc vào nhiều nhân tố: tỷ giá giao ngay (**Spot rate**), tỷ giá thỏa thuận trên hợp đồng (**Strike**), thời hạn thỏa thuận (**maturity**), lãi suất của các đồng tiền giao dịch, độ lệch chuẩn....

Lời

**Người mua Put Option**



**Tỷ giá  
(VND/USD)**

Lỗ

**Người bán**

**Put Option**

**Put Breakeven = Strike(exercise price) - Premium**

**15920 = 15950 - 30**

## Ví dụ phòng ngừa rủi ro (trang 10-11)


- Một công ty Mỹ sẽ phải trả 10 triệu Bảng Anh hàng nhập khẩu từ Vương quốc Anh trong vòng 3 tháng nữa nên quyết định phòng ngừa rủi ro bằng cách mua một hợp đồng kỳ hạn.
- Một nhà đầu tư sở hữu 1,000 cổ phiếu của Microsoft có giá hiện hành là 28 USD/ cổ phiếu. Hợp đồng quyền chọn bán kỳ hạn 2 tháng có giá thực hiện là 27.50 USD/cổ phiếu và phí quyền chọn là 1 USD. Nhà đầu tư quyết định phòng ngừa bằng cách mua 10 hợp đồng.



## IV. THỊ TRƯỜNG GIAO SAU (FUTURES MARKET)

Thị trường giao sau là nơi giao dịch mua bán các hợp đồng giao sau về hàng hóa, tiền tệ và các công cụ tài chính.

Hợp đồng giao sau (**Futures contract**) là một sự thỏa thuận bán hoặc mua một tài sản (tiền, hàng hoặc **chứng khoán**) nhất định tại một thời điểm xác định trong tương lai và hợp đồng này được thực hiện tại **sở giao dịch**.

- 
- **[www.cme.com](http://www.cme.com)**- Chicago mercantile exchange
  - **[www.liffe.com](http://www.liffe.com)**, The London international financial futures and options exchange.
  - **[www.nybot.com](http://www.nybot.com)** - New York Board of Trade
  - **[www.nymex.com](http://www.nymex.com)** - New York Mercantile Exchange



**cme**  
Chicago Mercantile Exchange

WELCOME TO CME.COM

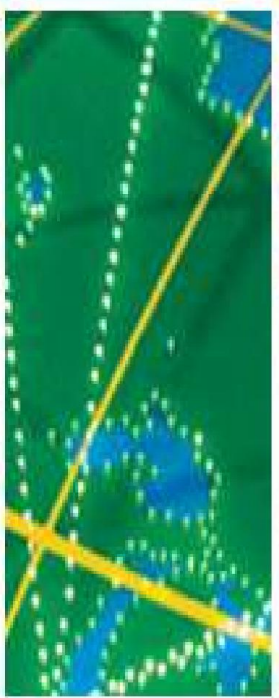
CME is the largest U.S. futures exchange, and by most measures the most diversified and innovative global financial services marketplace. As the first publicly traded financial exchange in the U.S., CME serves the risk management needs of the world through a diverse range of futures and options-on-futures products

ABOUT CME

TRADE CME PRODUCTS

EDUCATION

CLEARING SERVICES



EQUITIES	
115270	3 115
115300	117 115
154850	12 155
154800	6 155
60160	1 602
60310	1 603
217550	1 2155
FX	
7655	1 7655
18090	2 18043
7599	1 7598
12444.0	5 12453.0
9419	1 9419
7958	1 7962
EURODOLLARS	



MY CME

DELAYED QUOTES

Only Front Month Shown  
Updated 06/28/05 02

CONTRACT	LAST
<u>E-mini™ S&amp;P 500@</u>	1199.00
<u>E-mini™ NASDAQ-100@</u>	1511.50
<u>CME Eurodollar</u>	96.215
<u>CME Euro FX</u>	1.2152
<u>CME Live Cattle</u>	80.600

Quotes delayed at least 1

[View All Delayed Qu](#)

LATEST NEWS [more news stories >](#)

... [IDG's Computerworld Names CME to Annual List of Best Places to Work in](#)

**CME FX**



- **CME British Pound Futures**

- **Trade Unit**

62,500 pounds sterling (British pounds)

- **Point Descriptions**

1 point = \$.0001 per pound sterling =  
\$6.25 per contract





- **CME Russian Ruble Futures**

- **Trade Unit**

2,500,000 Russian rubles

- **Point Descriptions**

1 point = \$.00001 per Russian ruble =  
\$25.00 per contract



energy

metals



&gt;&gt; Please select one of the above symbols

login

link

latest

 NYMEX Direct Web  
 Clearing 21  
 NYMEX ClearPort® Trading  
 NYMEX ClearPort® Clearing

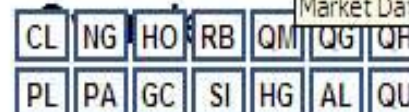
 Exchange Rulebook  
 Exchange Margins  
 NYMEX ClearPort® Products  
 NYMEX iPort Products

**Total Exchange Volume**  
**1,259,976 for 03/30/2007\***
[Contact Us](#)
[Glossary](#)

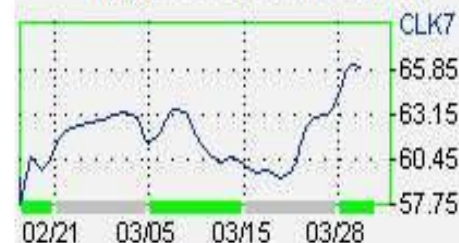
Search



## Market Data

[Market Data Overview](#)


Light, Sweet Crude Oil (CL)



Market	Last	Change
Crude Oil (CL)	65.75	-0.12
Natural Gas (NG)	7.643	-0.087
Heating Oil (HO)	1.8690	-0.0079
RBOB Gasoline (RB)	2.0430	-0.0150
Gold (GC)	866.9	-2.1




## Thị trường giao sau có một số đặc điểm sau đây:


- Được thực hiện tại quầy giao dịch mua bán của thị trường, **thông qua môi giới (Broker)**. Người mua và người bán không cần biết nhau.
- Hợp đồng giao sau chỉ có **bốn ngày có giá trị** trong năm (4 value date per year): Ngày thứ tư tuần thứ ba, tháng ba, tháng sáu, tháng chín và tháng mười hai. **The third Wednesday of March, June, September, december.**

- Thị trường giao sau quy định kích cỡ cho một đơn vị hợp đồng (**fixed amount per contract**).
- Những nhà đầu tư **phải ký quỹ** cho quầy giao dịch thị trường (**margin**) 5% trị giá hợp đồng.

### Chuẩn hoá hợp đồng giao sau (IMM – Chicago)

Loại ngoại tệ	Trị giá hợp đồng	Ký quỹ
AUD	100.000	Lần đầu: \$1215, duy trì: (\$900)
GBP	62.500	\$4050 (\$3000)
CAD	100.000	\$1080 (\$800)
EUR	125.000	\$2700 (\$2000)
JPY	12.500.000	\$1890 (\$1400)
CHF	125.000	\$4050 (\$4050)

- 
- Các khoản lời lỗ (**loss or profit**) được ghi nhận và phản ảnh **hàng ngày** với clearing house (Phòng thanh toán bù trừ).
  - Phần lớn các hợp đồng giao sau thường được **kết thúc trước thời hạn**, trong khi hợp đồng có kỳ hạn (Forward) thì đa số các hợp đồng đều được thanh toán bằng việc giao hàng chính thức.

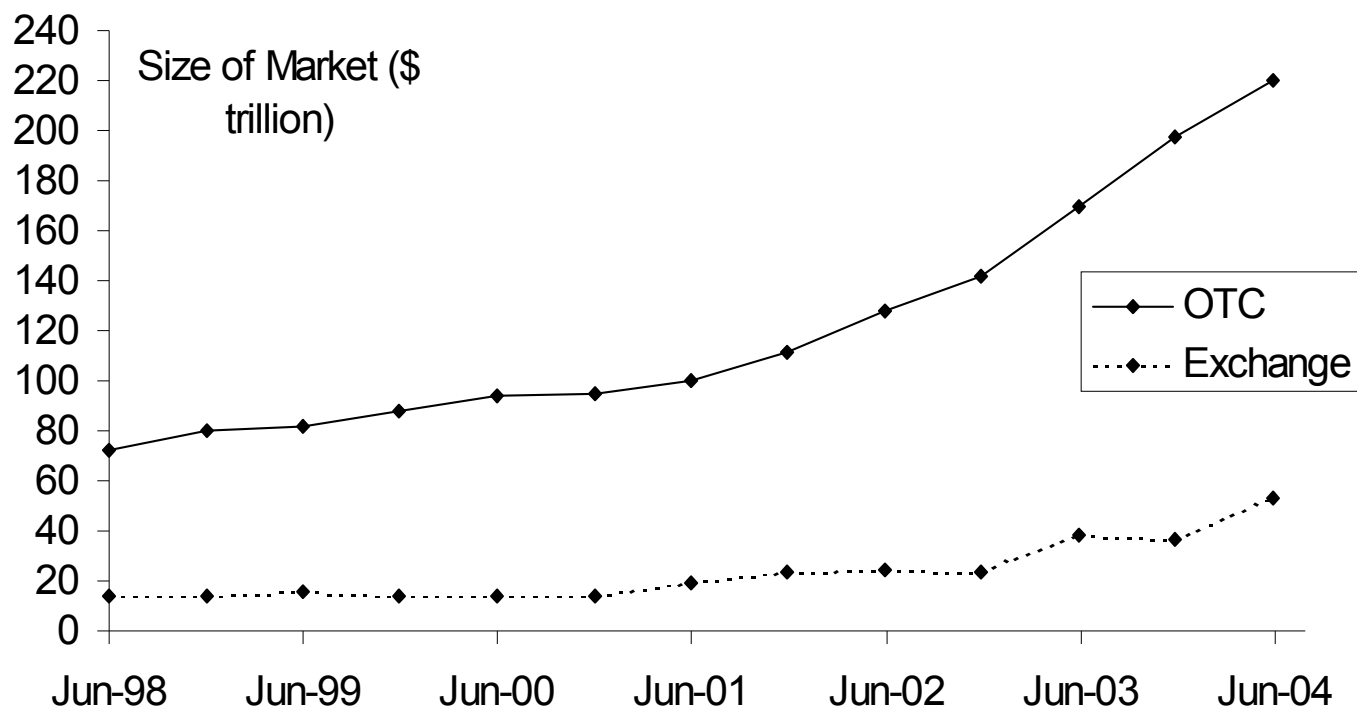


**Ví dụ: Nếu khách hàng có khoản giao dịch là 250.000 GBP (tức là 4 hợp đồng) và nếu tỷ giá giao động từ 1,7960 lên 1,7970 thì khoản chênh lệch bằng USD sẽ là:**

- **250.000 GBP x 0,0010 USD/GBP = 250 USD.**
- **62500GBP x4x 0,0010 USD/GBP = 250 USD.**
- **4 x 10 x 6.25 = 250 USD**

**Tại Việt Nam các hợp đồng Futures mới bắt đầu thông qua các NHTM**

# Quy mô thị trường tập trung và thị trường OTC (hình 1.1, trang 3)



Nguồn : Ngân hàng Thanh toán quốc tế. Đồ thị cho thấy khối lượng giao dịch của thị trường OTC và giá trị danh nghĩa của thị trường tập trung

# V. THỊ TRƯỜNG TIỀN GỎI NGOẠI

## TỆ:

### 1. **Khái niệm:**

Thị trường tiền gửi là nơi tiến hành các hoạt động vay và cho vay bằng ngoại tệ với những thời hạn xác định kèm theo một khoản tiền lời thể hiện qua lãi suất. Thị trường ngoại tệ Châu Âu, Đôla Châu Âu... với những lãi suất LiBor (London interbank offered rate), PiBor (Paris), NiBor (Nigerian), FiBor (Frankfurt), SiBor, Tibor, Kibor...





## 2. Các loại giao dịch trên thị trường tiền gửi:

### a. **Giao dịch qua đêm: (J+1, Overnight, O/N)**

Tức là giao dịch mà ngày vay vốn là ngày hôm nay (ngày J), ngày trả nợ là ngày hôm sau (J+1).

### b. **Giao dịch ngày mai (J+2, Tomorrow next, tomnext)** Ký hiệu T/N.

Tức ngày thỏa thuận là ngày hôm nay (ngày J), ngày giao vốn là ngày mai (J+1), ngày trả nợ là ngày (J+2).

c. **Giao dịch ngày kia (J+3, Spot next, S/N)**

Tức là ngày thỏa thuận là ngày hôm nay (ngày J), ngày giao vốn là ngày (J+2), ngày trả nợ là ngày một (J+2+1).

d. **Giao dịch cho kỳ hạn thứ n**

Là giao dịch mà ngày thỏa thuận là ngày hôm nay (ngày J), ngày giao vốn là ngày **J+2**, ngày trả nợ là ngày **(J+2+n)**.



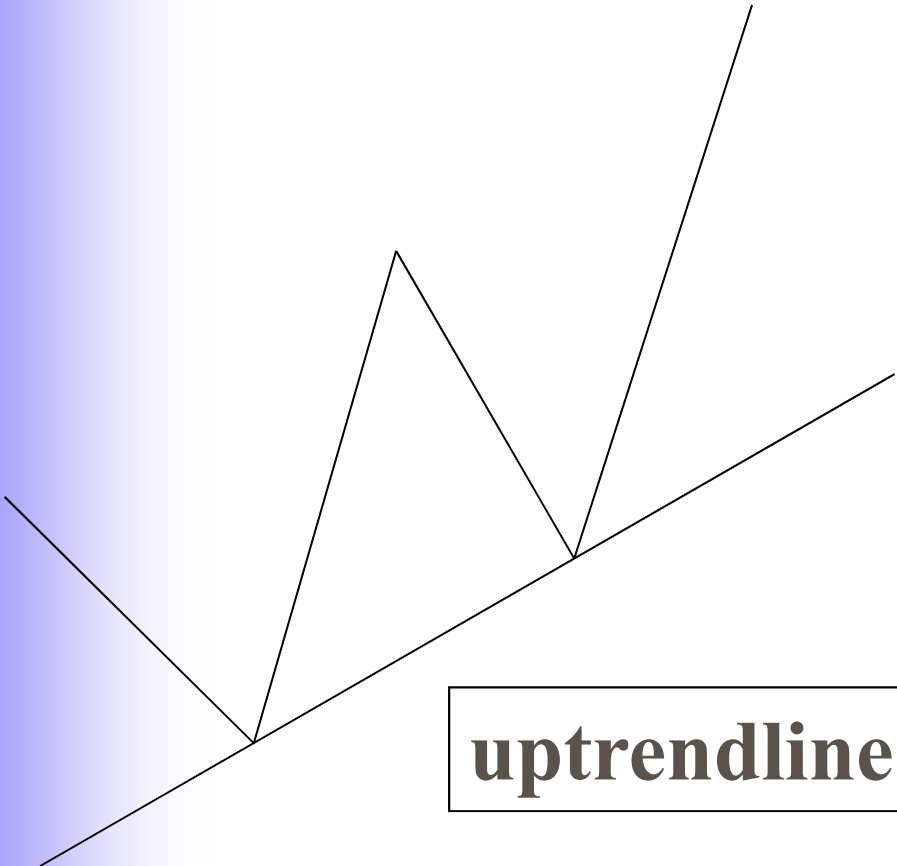
# BÀI ĐỌC THAM KHẢO

Phân tích kỹ thuật dùng trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái.(xem sách trang 46)

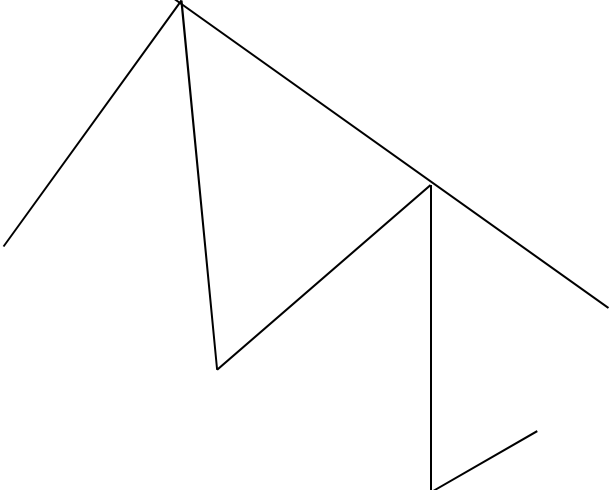


**resistance**

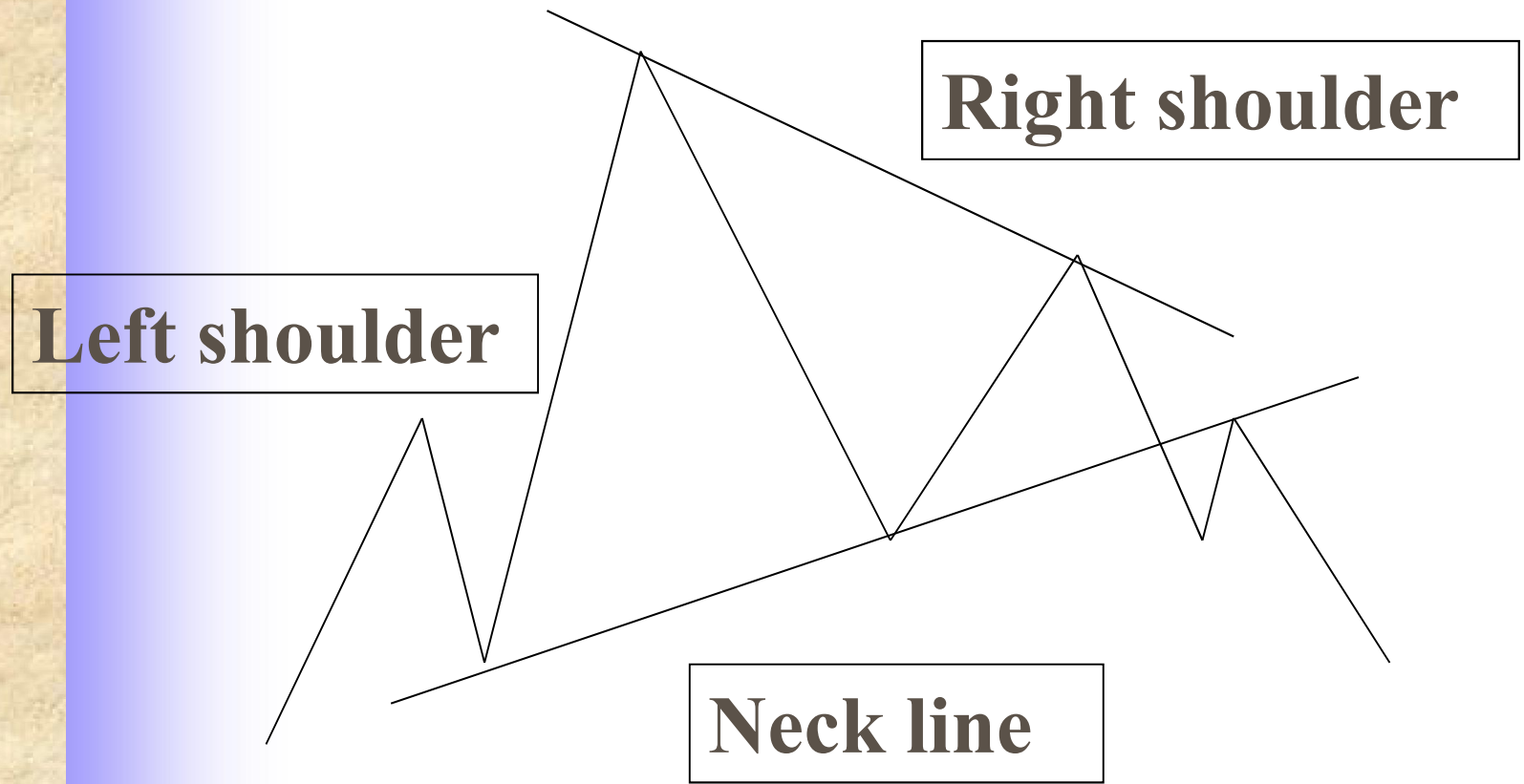
**support**



**uptrendline**



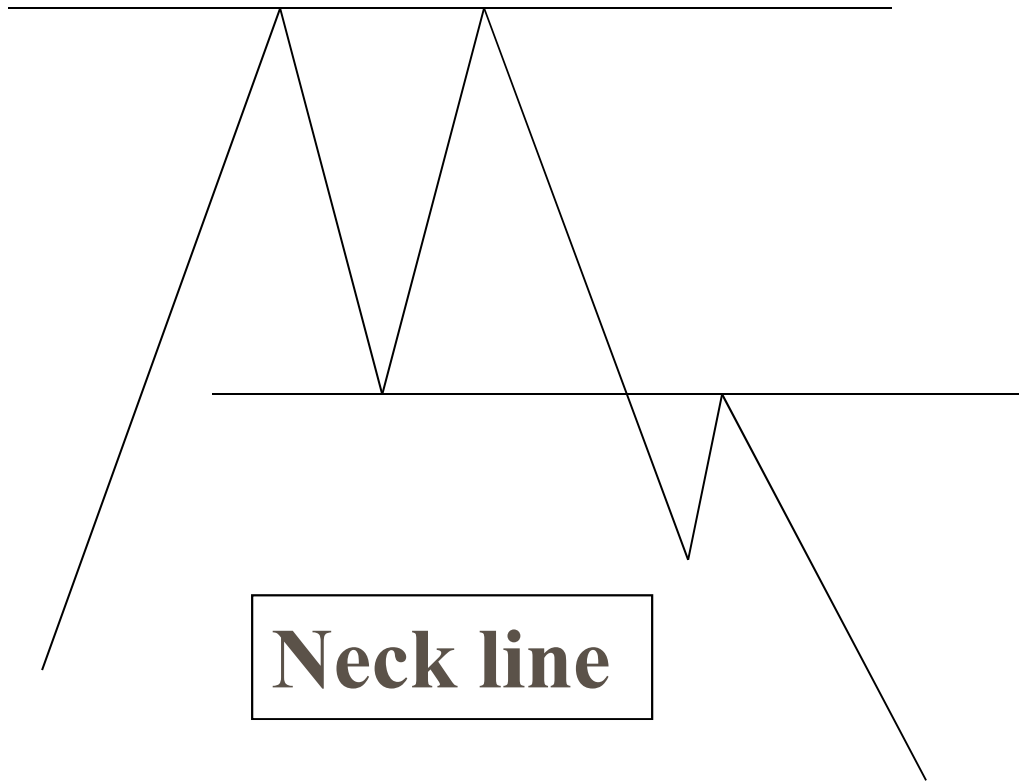
**downtrendline**



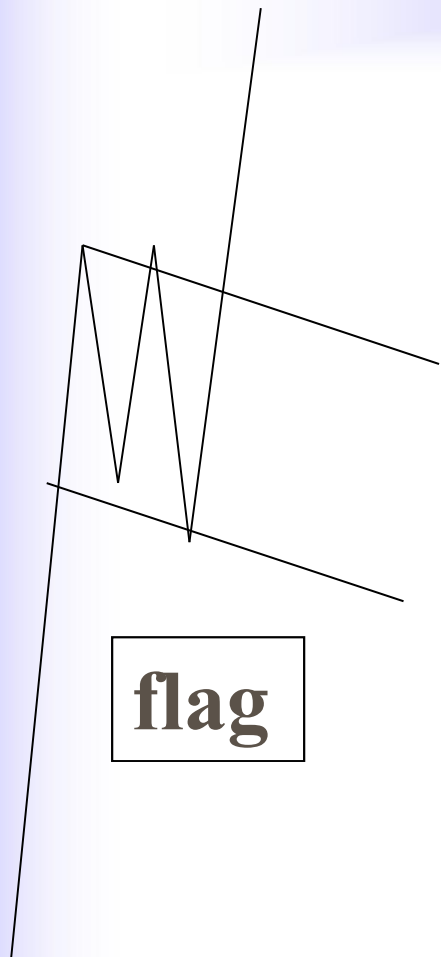
**Left shoulder**

**Right shoulder**

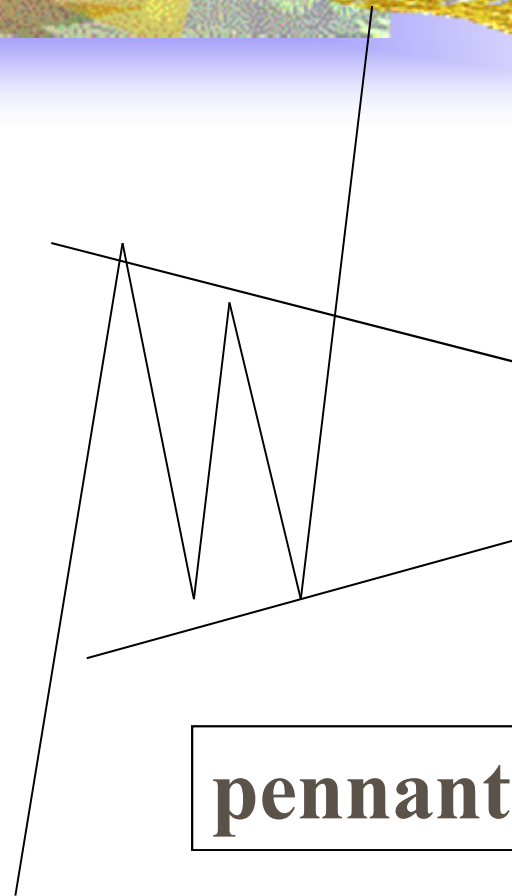
**Neck line**



**Neck line**



**flag**



**pennant**